

**CTCP TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 16 tháng 04 năm 2019**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Mã chứng khoán : SKG

Địa chỉ trụ sở chính : Số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : 0297 3 980 111

Fax : 0297 3 846 180

Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI

Địa chỉ : Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại (cơ quan): 028 38 666 333

Fax : 028 38 688 373

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên 2018. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 16/04/2019 tại đường dẫn <http://superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI

SKG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



www.superdong.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG	01	59	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	23	63	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	39	69	QUẢN TRỊ CÔNG TY
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	51	81	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG
Tên giao dịch:	SUPERDONG FAST FERRY KIEN GIANG JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	SUPERDONG FF (KG) JSC
Giấy CNĐKDN số:	1700556108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 17 tháng 07 năm 2018
Vốn điều lệ:	575.749.560.000 VNĐ (Năm trăm bảy mươi lăm tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	575.749.560.000 VNĐ (Năm trăm bảy mươi lăm tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)
Địa chỉ:	Số 10 Đường 30/4, Khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Số điện thoại:	(0297) 3 980 111
Số fax:	(0297) 3 846 180
Website:	superdong.com.vn
Email:	info@superdong.com.vn
Mã cổ phiếu:	SKG



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trụ sở chính

Số 10, Đường 30/4, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 0297 3 980 111 Fax: 0297 3 846 180

VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh

Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 38 666 333 Fax: 028 38 688 363

Phòng vé Hà Tiên

11 Trần Hữu, P. Bình San, Thị xã Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 0297 3 955 933 Fax: 0297 3 955 989

Phòng vé Nam Du

Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 0297 3 777 989 – 0914.877.743

Phòng vé Rạch Giá

Địa điểm 1: 14 Tự do, P. Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 0297 3 877 742 Fax: 0297 3 877 741
Địa điểm 2: Số 01, Lô 04, Đường 3/2, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 0297 3 877 742 Fax: 02973 877 741

Phòng vé Sóc Trăng

193 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại: 0299 3 616 111 Fax: 0299 3637 888
Hotline xe buýt: 0916.294.399

Phòng vé Trần Đề

Ấp Đầu Giồng, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại: 0299 3 843 888

Phòng vé Côn Đảo

Đường Trần Phú, Thị trấn Côn Sơn, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: 0254 3 630 138 - 0254 3 630 139
Hotline xe buýt: 088 663 739

Phòng vé Phan Thiết

535 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Lạc Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Điện thoại: 0252 3 817 337 Fax: 0252 3 817 338

Phòng vé Phú Quý

11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận
Điện thoại: 0252 3765 999 - 0252 3768 666

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngày 22/01/2010, Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần với Vốn điều lệ đăng ký là 90 tỷ đồng.

2010

Ngày 16/05/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ra Quyết định số 185/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang với mã chứng khoán: SKG.

2014

2007

Ngày 14/11/2007, Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang được thành lập. Hoạt động chính là vận tải hành khách và hàng hóa tuyến Rạch Giá - Phú Quốc.

2011

Tiếp nối thành công tại tuyến Rạch Giá - Phú Quốc, mạnh dạn mở rộng địa bàn hoạt động sang tuyến mới Hà Tiên - Phú Quốc.

2015

Công ty giữ vững vị trí dẫn đầu trên thị trường vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc, tạo đà cho việc mở rộng địa bàn hoạt động. Tuyến Rạch Giá - Nam Du chính thức hoạt động từ tháng 06 năm 2015.

2016

Tàu cao tốc Superdong IX, Superdong X tiếp tục được đưa vào khai thác để đáp ứng nhu cầu gia tăng của hành khách, tổng số ghế đạt 2.684, tăng 26,7% so với năm 2015.

2017

Ngày 14/07/2017, Công ty khai trương tuyến hoạt động mới Sóc Trăng - Côn Đảo. Tháng 9/2017, Công ty đã chính thức đưa vào khai thác tuyến phà Hà Tiên - Phú Quốc (bến Bãi Vòng).

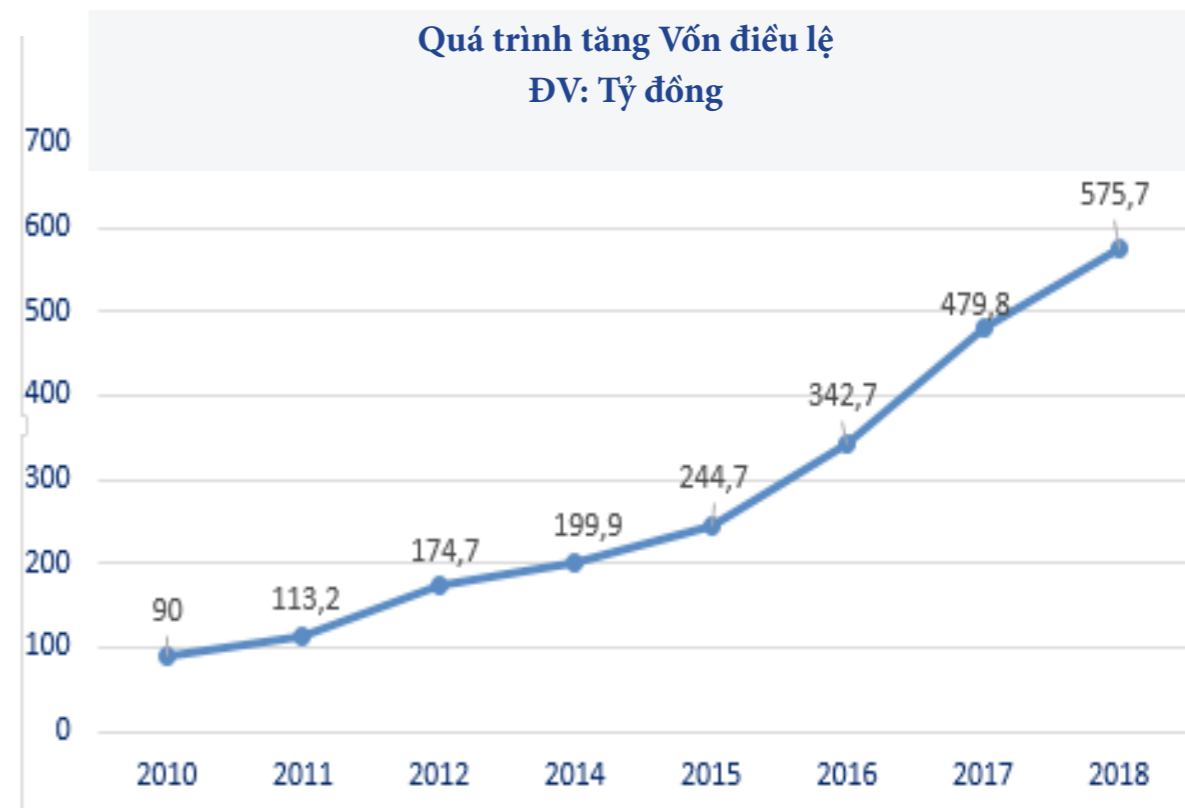
2018

Ngày 21/06/2018, Công ty khai trương tuyến hoạt động mới Phan Thiết - Phú Quý.



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Thời điểm	VĐL	Hình thức
2010	90,0 tỷ	Chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang CTCP.
2011	83,5 tỷ	Điều chỉnh Vốn điều lệ bằng đúng số vốn thực góp.
2011	108,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010.
2011	113,2 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu.
2012	147,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011.
2012	171,3 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu.
2012	174,7 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu.
2014	199,9 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013.
2015	244,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015.
2016	342,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015.
2017	479,8 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016.
2018	575,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017.





THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Ủy ban Nhân dân Huyện Phú Quý	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2018	15/01/2019	Chủ tịch Bùi Thế Nhân
Ủy ban Nhân dân Thị xã Hà Tiên	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên	05/02/2018	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân
Ủy ban Nhân dân Thị xã Hà Tiên	Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017	18/01/2018	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tỉnh Sóc Trăng	Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Oóc Om Bóc – Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017	27/10/2017	Giám đốc Trần Minh Lý
Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam	Bảng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị Kết nối Giao thương VACOD – Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc – Trung – Nam 2017	10/10/2017	Chủ tịch TS. Nguyễn Hồng Sơn
Forbes Việt Nam	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2017	29/05/2017	-
Hiệp hội Vận tải tỉnh Kiên Giang	Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội Vận tải Tỉnh Kiên Giang	20/03/2017	Chủ tịch Lê Việt Bắc

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn)	Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 - IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016	09/11/2016	Tổng Thư ký Hiệp hội VAFE Mai Linh Da Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014	21/01/2015	Giám đốc Trương Hữu Cường
Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp	Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014	10/11/2014	Viện trưởng PGS.TS Nguyễn Mạnh Quân
Sở Công thương Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013	15/03/2013	Giám đốc Huỳnh Văn Gành
UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012	08/02/2013	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011	15/02/2012	Giám đốc Trương Hữu Cường
Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	Đã có thành tích trong công tác xã hội từ thiện từ năm 2005 đến năm 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	26/01/2011	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng
Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ	Cúp vàng sản phẩm, dịch vụ xuất sắc lần II năm 2009	30/12/2009	Chủ tịch Hiệp hội DNVVN TS. Cao Sỹ Kiêm
UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc trong vận động, tài trợ kinh phí cho bệnh nhân và người nghèo Tỉnh Kiên Giang 5 năm (2003 – 2008)	28/11/2008	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Bùi Ngọc Sương

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành kinh doanh tour du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Với mục tiêu củng cố và thích nghi với tình hình mới của hoạt động kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải tới các đảo du lịch, Công ty đã bổ sung thêm một số ngành nghề:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (Kinh doanh có điều kiện);
- Kinh doanh khai thác Cảng thủy nội địa (Kinh doanh có điều kiện);
- Kinh doanh khai thác cảng biển (Kinh doanh có điều kiện).



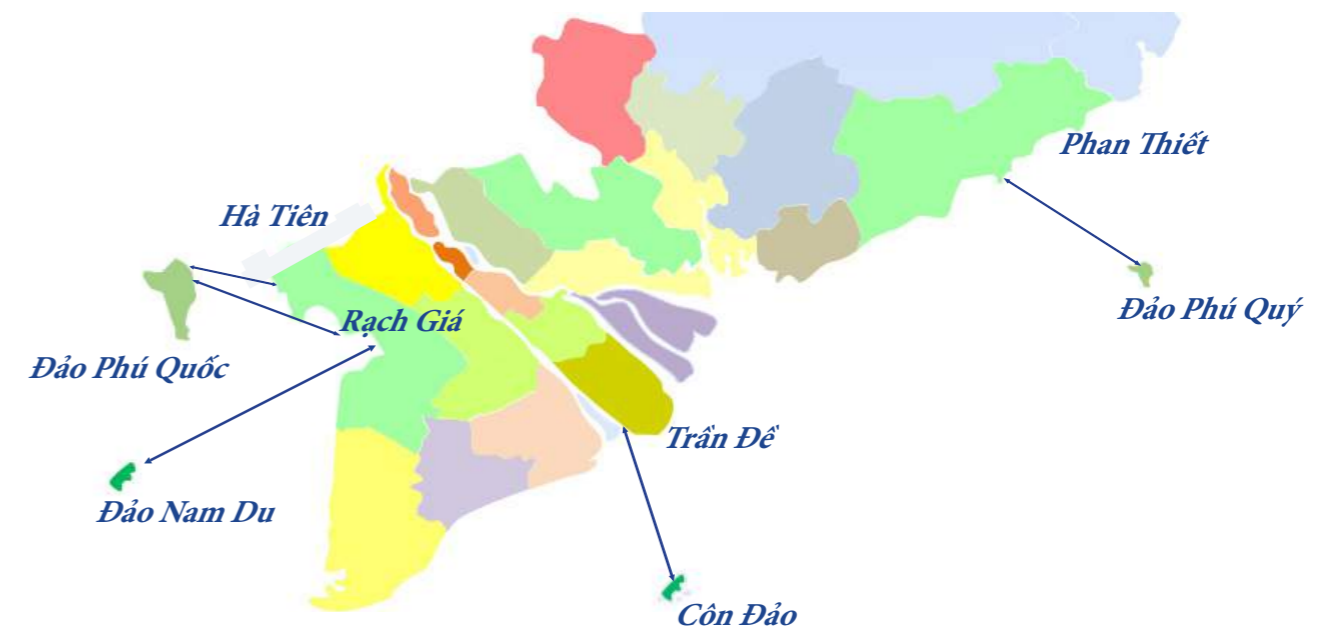
Địa bàn kinh doanh



Với 05 tuyến vận chuyển đang khai thác, địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm tại tỉnh Kiên Giang và tỉnh Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận của Việt Nam.

Xu hướng du lịch biển đảo đang từng bước hình thành với rất nhiều dư địa để phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch. Nhận thấy được tiềm năng to lớn này, Công ty luôn tập trung vào việc kinh doanh dịch vụ vận tải bằng tàu cao tốc và phà nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, cũng như phát triển kinh tế, du lịch của khu vực. Hiện, Công ty đang là hãng tàu hàng đầu trong các thị trường khai thác với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc và 02 phà, phục vụ cho hành khách đi tới các đảo Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, cụ thể như sau:

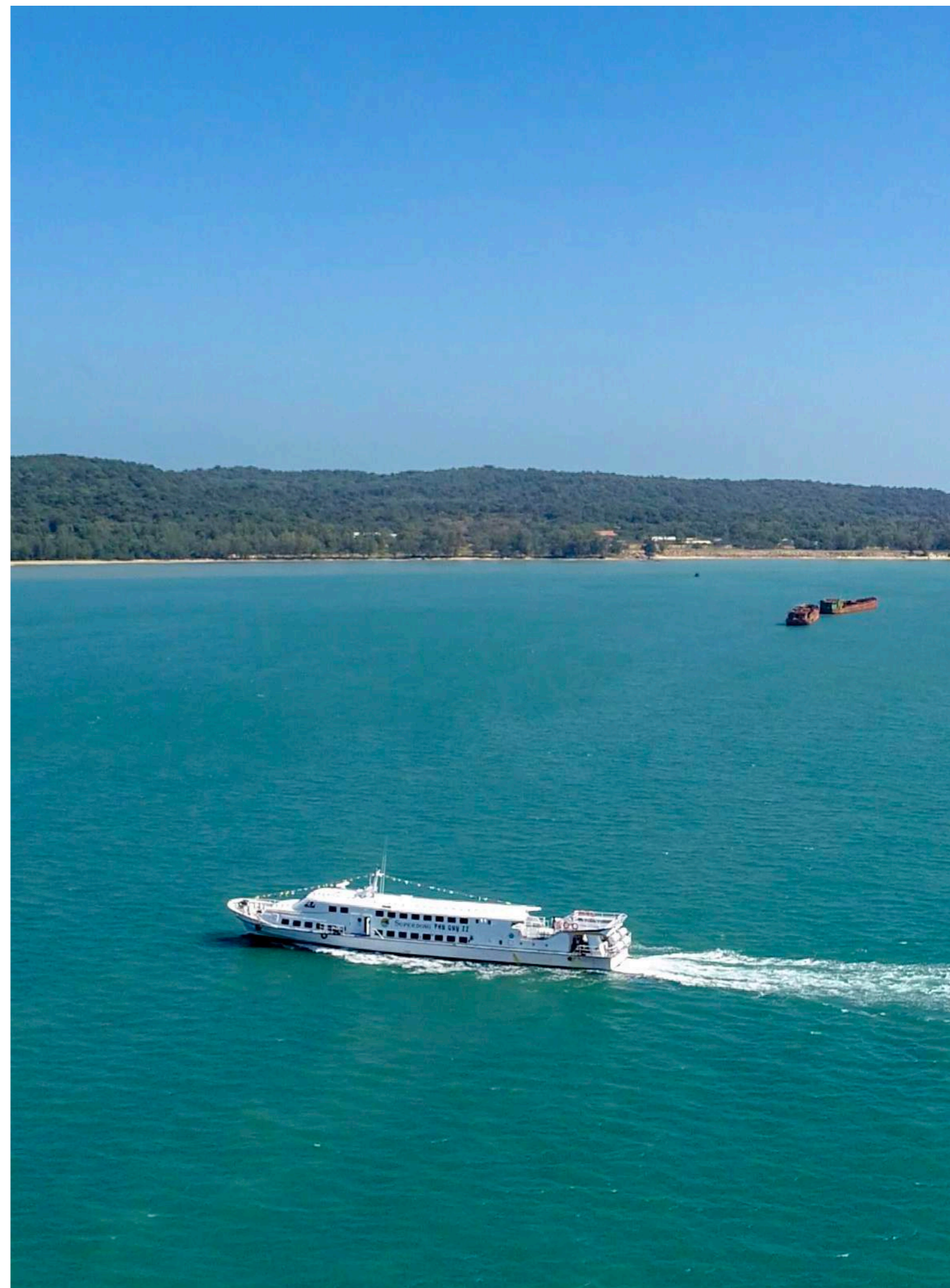
- Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong VI, VII, VIII, IX và Phà Superdong PI, PII;
- Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, IV, V, X và XII;
- Tuyến Rạch Giá – Nam Du (gồm các trạm dừng Hòn Tre, Lại Sơn): Tàu cao tốc Superdong I, II, XI;
- Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II;
- Tuyến Phan Thiết – Phú Quý: Tàu Superdong Phú Quý I, II (Khai trương ngày 21/06/2018).

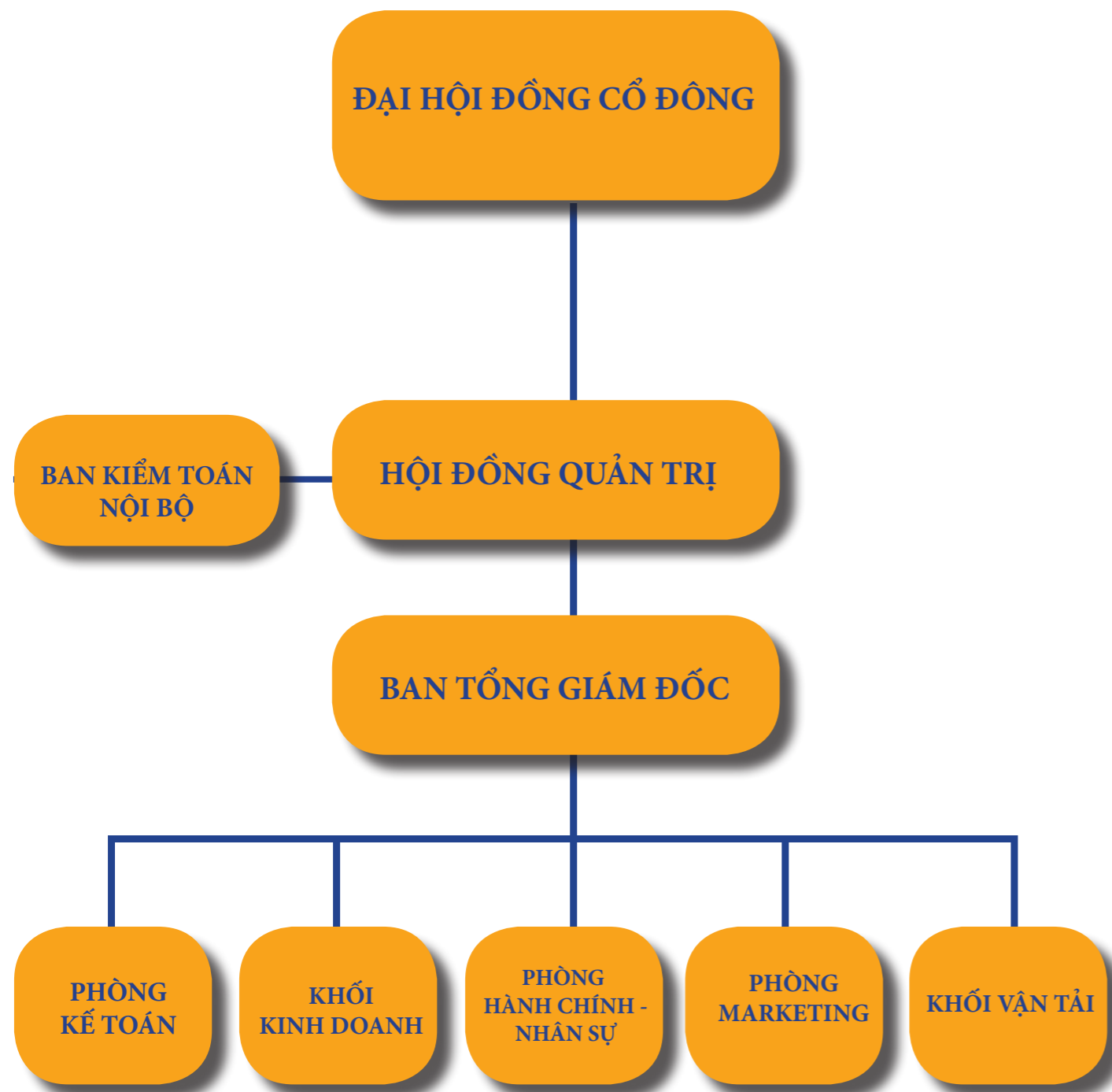


NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chứa tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/giờ)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (giờ)
Tàu Superdong I	1.176	171	26	10	2,5
Tàu Superdong II	1.518	261	30	12	2,5
Tàu Superdong III	2.080	306	30	13	2,5
Tàu Superdong IV	2.080	306	30	13	2,5
Tàu Superdong V	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong VI	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong VII	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong VIII	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong IX	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong X	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong XI	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong XII	1.518	275	27	12	-
Tàu Superdong Côn Đảo I	2.080	306	27	14	2,5
Tàu Superdong Côn Đảo II	2.080	306	27	14	2,5
Tàu Superdong Phú Quý I	2.420	306	28	12	2,1
Tàu Superdong Phú Quý II	2.420	246	28	12	2,1
Phà Superdong PI	1.518	229	12	15	2,8
Phà Superdong PII	1.518	229	12	15	2,8

Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn tập trung phát triển đội tàu không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng với kỹ thuật an toàn, ổn định, tiện nghi, hiện đại; từ đó, tạo nên thành công của thương hiệu Superdong trong suốt thời gian qua.





Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang có cơ cấu tổ chức bao gồm 01 Trụ sở chính hoạt động tại Phú Quốc; 03 chi nhánh tại Sóc Trăng, Côn Đảo và Phú Quý; 01 văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh và một số phòng vé tại các tuyến tàu khai thác. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải hành khách, hàng hóa bằng tàu cao tốc và phà, đưa SKG trở thành một trong những công ty vận tải bằng đường thủy theo tuyến cố định có chất lượng tốt nhất, tạo dựng uy tín và niềm tin trong lòng khách hàng.



Trong trung hạn và dài hạn, với xu hướng phát triển du lịch biển đảo, Công ty nhận định nhu cầu vận chuyển bằng đường thủy tại các địa phương trong nước, xa hơn là với các nước lân cận trong khu vực là một thị trường rộng lớn và tiềm năng chưa được khai thác đúng mức; do đó, Công ty luôn chủ động tìm hiểu, khảo sát, đánh giá các thị trường tiềm năng nhằm tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động.

Lĩnh vực kinh doanh cốt lõi cần được củng cố bởi các lĩnh vực phụ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng cũng như tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty; do đó, trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện đầu tư thí điểm các loại hình kinh doanh phụ trợ như: xây dựng khu cầu cảng phức hợp với các dịch vụ ăn uống nhanh, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú, giải trí,...và dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp tàu biển.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Nhu cầu di chuyển là một trong ba nhu cầu thiết yếu, cơ bản nhất của con người đó là “ăn - ở - di chuyển”; ngày nay, khi xã hội đã phát triển tới một trình độ nhất định thì các nhu cầu này cũng được nâng lên tầm cao hơn, di chuyển không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu kiếm sống, mà còn đáp ứng cả nhu cầu hưởng thụ của con người. Giao thông giữa đất liền và các đảo du lịch thể hiện rõ nhất điều này; đây cũng chính là mục tiêu, đối tượng chính mà Công ty nhắm tới.

Hơn 10 năm qua, Công ty đã đầu tư được đội tàu cao tốc hiện đại cùng đội ngũ nhân viên đầy kinh nghiệm, làm việc chuyên nghiệp và nghiêm túc, mạng lưới phân phối rộng rãi nhằm xây dựng, củng cố thêm thương hiệu Superdong, cam kết cung cấp cho khách hàng giá trị cốt lõi gồm: “AN TOÀN - ỔN ĐỊNH - ĐÚNG GIỜ - THOẢI MÁI - TIỆN LỢI - DỊCH VỤ ĐA DẠNG - GIÁ CẢ HỢP LÝ”.

Công ty luôn cải tiến từng ngày nhằm mang lại cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất, qua đó củng cố vị trí dẫn đầu trên thị trường nhằm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất, góp phần phát triển ngành vận tải đường thủy, tăng nguồn thu cho ngân sách và tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương.

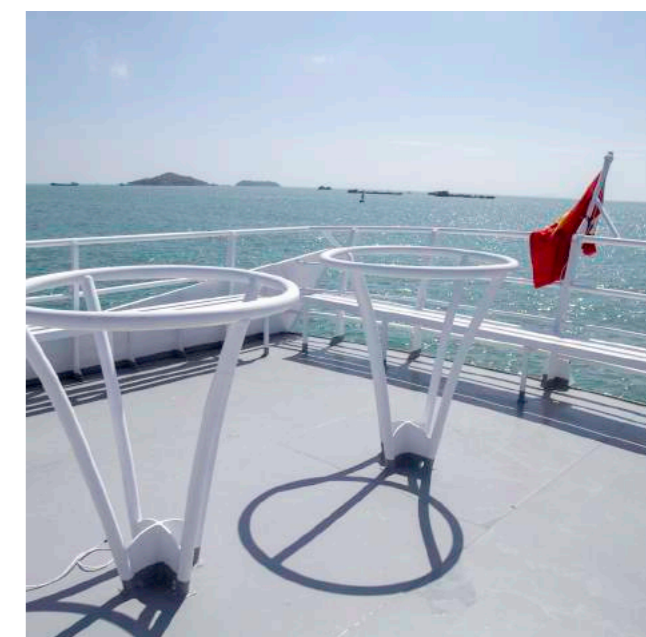
Nhằm đa dạng hóa loại hình kinh doanh, đa dạng hóa nhu cầu cho khách hàng, đến nay, Công ty đã có 16 tàu cao tốc và 2 phà chuyên chở hành khách, phương tiện vận tải, hàng hóa từ đất liền tới Phú Quốc, Nam Du, Côn Đảo và Phú Quý; các dịch vụ đi kèm như xe trung chuyển, dịch vụ ăn uống nhanh cũng được triển khai để tối ưu hóa tiện ích cho khách hàng.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Các cam kết

Công ty sẽ chủ động tham gia vào các chương trình có ý nghĩa tích cực với môi trường, xã hội và cộng đồng như: ủng hộ bệnh nhân nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào chịu lũ lụt, thiên tai, ủng hộ hội khuyến học, ủng hộ xây dựng cầu - đường - trường - trạm,... Và hơn hết là, đảm bảo chính sách lao động thỏa đáng nhằm khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, từ đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.



Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

Vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng luôn được Công ty quan tâm, chấp hành bằng những hành động thiết thực.

Chính sách bảo hiểm, chế độ phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên Công ty luôn được đảm bảo, người lao động được làm việc trong môi trường thân thiện, cạnh tranh và công bằng

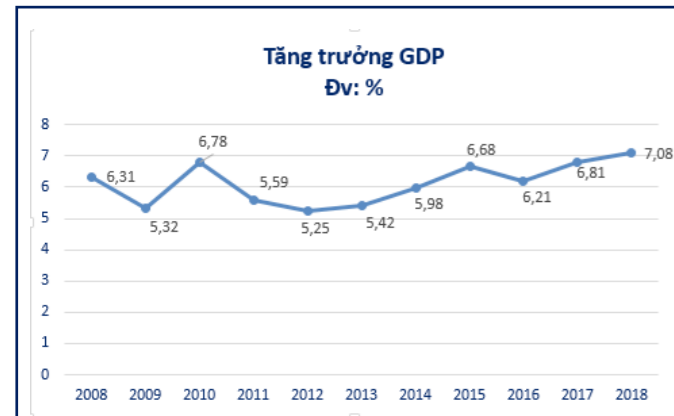
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Chịu ảnh hưởng từ tăng trưởng kinh tế Mỹ và các nước trong khu vực, kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển tích cực. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7,08%, đây là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây, sự phát triển kinh tế sẽ tạo bước đà cho các doanh nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, năm 2018 vận tải đường thủy nội địa đạt 195,7 triệu lượt khách, tăng 7,1% và vận tải hàng hóa đường thủy nội địa đạt 288,8 triệu tấn, tăng 7,5% so với năm trước. Là doanh nghiệp kinh doanh chủ yếu về dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường thủy, với sự phát triển đó Công ty sẽ có nhiều cơ hội để tăng trưởng trong ngành.

CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong đó giá xăng, dầu tăng 15,25% (tác động làm CPI chung tăng 0,63%). Điều này ít nhiều gây áp lực đến chi phí đầu vào của Công ty.

Để một doanh nghiệp phát triển bền vững đòi hỏi nền kinh tế phải tăng trưởng ổn định. Nền kinh tế năm 2019 được dự báo sẽ tiếp tục hưởng lợi từ sự phục hồi tăng trưởng kinh tế thế giới, tăng trưởng thương mại toàn cầu, từ tiến trình xúc tiến đàm phán các hiệp định thương mại tự do (FTA). Những chính sách cải cách cơ cấu kinh tế cùng với sự tập trung phát triển của ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch sẽ là tiền đề tích cực cho kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.



Rủi ro pháp luật

Mọi hoạt động kinh doanh luôn chịu sự kiểm soát của pháp luật. Hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện nên liên tục thay đổi. Là một công ty cổ phần niêm yết, SKG chịu sự điều chỉnh của nhiều luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế, Luật lao động, Luật hàng hải... Những luật này thường xuyên được sửa đổi, bổ sung và thay thế. Nổi bật như Nghị định 147/2018/NĐ-CP sửa đổi và bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải đã có hiệu lực vào ngày 24/10/2018; điều này gây khó khăn cho các công ty nói chung và SKG nói riêng. Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật sự thay đổi của pháp luật để có chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ đúng theo quy định.

Rủi ro do yếu tố mùa

Công ty có hoạt động kinh doanh chủ yếu là vận chuyển hành khách, hàng hóa và phương tiện vận tải từ bờ tới các đảo du lịch nên yếu tố mùa vụ cũng tác động đáng kể đến kết quả kinh doanh trong năm. Vì vậy, Công ty đặc biệt chú trọng đến các phương án điều phối tàu sao cho hợp lý để đáp ứng đủ nhu cầu hành khách vào mùa cao điểm và có các chính sách thích hợp nhằm thu hút khách hàng vào các thời điểm còn lại để khai thác hiệu quả được yếu tố mùa vụ, qua đó đem lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.





Rủi ro nhân sự

Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ; do đó, nguồn nhân sự ảnh hưởng rất lớn đến sự thành bại của Công ty. Dịch vụ vận tải đường thủy có đặc trưng riêng, yêu cầu chất lượng lao động cao, không những phải có trình độ chuyên môn, mà còn phải có các kỹ năng cứu hộ, xử lý các tình huống bất ngờ trên tuyến hoạt động để đảm bảo an toàn cho hành khách.

Hiểu được điều này, Công ty rất chú trọng việc đào tạo, cập nhật những kiến thức và bắt kịp xu hướng mới nhất trong thị trường ngành vận tải thủy để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nguồn nhân lực - cơ sở để giúp dịch vụ của SKG đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm tới chính sách phúc lợi và đãi ngộ cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân viên, từ đó làm tăng năng suất lao động.



Rủi ro phương tiện thay thế

Để đến Phú Quốc và Côn Đảo, hành khách có 02 sự lựa chọn là đường thủy hoặc đường hàng không. Sự phát triển của hàng không giá rẻ như Vietjet Air, và sắp tới là hãng hàng không Bamboo Airways của tập đoàn FLC, sẽ tác động đáng kể đến sự lựa chọn của các khách hàng từ các địa bàn xa như miền Bắc, miền Trung và nước ngoài. Tuy nhiên, phân khúc đối tượng hành khách chính của Công ty là người dân địa phương, người lao động tại đảo, hành khách đi du lịch theo hành trình từ Đồng bằng sông Cửu Long hoặc Campuchia tới các đảo có các tuyến của Công ty; Do đó, sự phát triển của hàng không lại có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Công ty, khi Công ty ở vị thế là kênh trung chuyển. Bên cạnh đó, Công ty vẫn không ngừng liên kết với các công ty du lịch để vận chuyển hành khách theo tour; đồng thời, phát triển các dịch vụ tiện ích trên tàu để đáp ứng nhu cầu của hành khách.

Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố bất khả kháng như cháy, nổ, thiên tai,... những rủi ro này xác suất xảy ra là rất nhỏ, tuy nhiên nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty. Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, Công ty luôn bảo đảm an toàn lao động, quan tâm đến các yếu tố bảo vệ môi trường, hạn chế tác động đến môi trường xung quanh, tuân thủ đúng các quy định về đăng kiểm, an toàn hàng hải và mua bảo hiểm đầy đủ.



Rủi ro môi trường

Với phương châm luôn đặt sự an toàn của khách hàng lên đầu, trong điều kiện thời tiết không đảm bảo các phương tiện sẽ không được phép rời cảng. Chính vì đặc thù của ngành, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của môi trường, đặc biệt là những thay đổi bất thường của thời tiết. Do đó, SKG chủ động cập nhật tình hình thời tiết thường xuyên, đề ra các kế hoạch, biện pháp ứng biến khi gặp điều kiện bất lợi. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu do có bờ biển dài. Biến đổi khí hậu làm cho tính bất thường của thời tiết ngày càng gay gắt, ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống người dân cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, SKG luôn có những giải pháp cụ thể để hạn chế thấp nhất sự tác động đến môi trường, quản lý nguồn rác thải trong quá trình vận chuyển trên biển.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Ban Điều hành
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
- Những thay đổi nhân sự
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động

Thành viên Ban điều hành

Chức Vụ

Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chua Peng Teck	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng

Ông Puan Kwong Siing – Thành viên HĐQT kiêm TGD

Năm sinh	14/06/1965
Trình độ chuyên môn	Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác

1987 – 1989	Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD
1994 – 1999	Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD
1990 đến 05/2014	Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN.BHD
1990 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD
2008 – 2009	Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
2010 đến nay	- Tổng giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD
Số lượng CP nắm giữ	9.518.870 cổ phần chiếm tỷ lệ 16,53% VDL

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 13/08/1979

Trình độ chuyên môn Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

2001 - 2007 Quản lý sản xuất tại Công ty Lead Well Industrial Việt Nam

2008 - 2010 Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan

2011 đến 05/2016 Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

06/2016 đến nay Phó TGD Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Số lượng CP nắm giữ 30.092 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,052% VDL

Ông Chua Peng Teck - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 27/07/1967

Trình độ chuyên môn Master in Engineering Business Management

Quá trình công tác

1994-1999 Kỹ sư bán hàng và dịch vụ Schmidt Scientific Sdn Bhd

2000-2017 Tổng Giám đốc Ebeam Sdn Bhd

9/2017 đến nay Phó Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Ebeam Sdn Bhd

Số lượng CP nắm giữ 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Bà Bùi Thị Hồng Đào - Kế toán trưởng

Năm sinh 22/10/1984

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác

06/2007 – 05/2009 Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng CTS Software

Trưởng phòng Kế toán TKM Group (gồm 3 Công ty và 1 Cửa hàng)

- Công ty Cổ phần Chúng Ta Đẹp
- Công ty TNHH Toàn Phúc
- DNTN TM Thiện Kim
- Cửa hàng Hưng Thuận

06/2009 – 04/2014

Kế toán trưởng tại YouNet Group (gồm 6 Công ty và 1 Văn phòng)

- Công ty Cổ phần YouNet
- Công ty Cổ phần YouNet Media
- Công ty Cổ phần YouNet Social Intranet
- Công ty Cổ phần YouNet Digital
- Công ty Cổ phần Buzz Metrics
- Công ty Cổ phần Smart City
- Văn phòng tại US - YouNet LLC

05/2014 – 08/2018

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không

Số lượng CP nắm giữ

0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	12/09/1981
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004

Quá trình công tác

2003 – 2007	Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
2008 – 2009	Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
2010 – 2011	Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
04/2011 – 04/2014	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
2012 – 04/2014	Giám đốc Hành Chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
04/2014 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng CP nắm giữ	1.293.061 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,246% VDL

Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	17/04/1986
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Luật kinh tế

Quá trình công tác

Từ 2010 – 04/2018	Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
Từ 04/2018 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng CP nắm giữ	13.495 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,023% VDL





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ - Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Năm sinh	12/03/1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Sử; Cử nhân Ngoại ngữ; Cao cấp chính trị; Quản lý kinh tế

Quá trình công tác

1975 – 1987	Công tác tại Sở Văn hóa Thông tin TP.HCM <ul style="list-style-type: none"> Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch TP.HCM Ủy viên thường vụ Hiệp hội Công thương Tp. HCM
1988 - 2012	<ul style="list-style-type: none"> Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ VN khóa 7, 8, 9, 10, 11 Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình
2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT Du lịch thương mại Hòa Giang <ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT - TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam
2012 đến nay	<ul style="list-style-type: none"> TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hòa Bình - Phú Quốc
2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Giang Phú Quốc
2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh
04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang <ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam Chủ tịch HĐQT CTCP Địa ốc Hòa Bình Chủ tịch HĐQT CTCP Du Lịch Thương Mại Hòa Giang Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Phú Quốc Chủ tịch HĐQT CTCP Hoà Giang Phú Quốc Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	
Số lượng CP nắm giữ	2.459.482 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,27% VDL

Bà La Xuân Đào - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh	10/07/1959
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác

Từ 1983 - 1998	Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Kế toán – Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Cần Thơ
Từ 1998 – 2002	Chuyên viên tư vấn Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán AFC Saigon
Từ 2003 - 2010	Giảng viên, Trưởng bộ môn Kế toán Kiểm toán Đại học Quốc gia Tp. HCM
Từ 2011 - 2012	Phó trưởng khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
Từ 2012 - 2014	Trưởng khoa, trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
Từ 2015 - 2017	Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
Từ 2017 đến nay	Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM; Thành viên BKS Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Tp. HCM (ITC).
Số lượng CP nắm giữ	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Ông Tăng Siêu Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Năm sinh	07/11/1990
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ ngành Thương mại; Cử nhân Kinh tế tài chính - Chuyên ngành Phân tích tài chính

Quá trình công tác

Từ 2015 - 2016	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC)
Từ 2016 - 2017	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
Từ 2017 - 2018	Chuyên viên phân tích Quỹ đầu tư Phoenix Capital
Từ 2018 đến nay	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh
Số lượng CP nắm giữ	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Ông Phan Hồng Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

Năm sinh	12/01/1980
Trình độ chuyên môn	- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán; - Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng; - Chứng nhận bồi dưỡng Kiểm toán viên.

Quá trình công tác

Từ 2003 - 2005	Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Trung Lập
Từ 2016 - 2017	- Kế toán trưởng Công ty TNHH SX DV Rong Lúa - Cộng tác viên Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất
Từ 2012 - 2014	- Kế toán trưởng Công ty TNHH May Effort - Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất
Từ 2017 - 2018	- Kế toán trưởng Công ty Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam) - Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt nam)
Số lượng CP nắm giữ	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Ban Kiểm soát

Công ty không bầu lại Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ mới do có sự thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý từ mô hình có Ban Kiểm soát (Theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014) sang mô hình không có Ban Kiểm soát (Theo Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014).

Những thay đổi trong Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Ông Chua Peng Teck	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Bà Lưu Hải Anh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2018
Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2018



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ



STT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học	122	31,9%
2	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	60	15,4%
3	Trình độ sơ cấp chuyên nghiệp	63	16,1%
4	Trình độ lao động phổ thông	144	36,6%
II	Theo loại hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	59	15,2%
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	300	77,1%
3	Hợp đồng thời vụ	4	1,0%
4	Hợp đồng thử việc	26	6,7%

Để đáp ứng sự phát triển không ngừng của Công ty trong thời gian qua. Nguồn nhân lực cũng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự. Công ty rất chú trọng đào tạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Nhân viên, Thuyền viên nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý, tư vấn, giám sát, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác,... nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc,... Do đó, Công ty đã xây dựng được đội ngũ Nhân viên, Thuyền viên có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo chính quy, bài bản về các lĩnh vực chuyên môn, có kiến thức về kinh tế thị trường tương đối toàn diện, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao.

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày và không vượt quá 48 giờ một tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, nhân viên của Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của pháp luật lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo số tháng thực tế làm việc, mỗi tháng làm việc sẽ tương ứng với 01 ngày nghỉ phép. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty, nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép theo quy định của Luật Lao động. Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo pháp luật về lao động và Bảo hiểm xã hội.

Điều kiện làm việc

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho người lao động gồm 03 bộ đồng phục/năm/người, được đào tạo về an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể nhân viên, thuyền viên.



Đào tạo

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc cử nhân viên, thuyền viên tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành và nâng cao phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí công tác hiện tại, định hướng phát triển tương lai của Công ty. Nhân viên, thuyền viên đảm bảo có trình độ chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm và kỹ năng tốt đáp ứng yêu cầu công việc, phù hợp với hoạt động của Công ty và khả năng phát triển của bản thân nhân viên, thuyền viên. Cụ thể, trong năm 2018, đã có tổng cộng 17 nhân viên tham gia học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và đã chính thức có bằng cấp, trong đó có 03 nhân viên là thợ máy học nâng cao thành sỹ quan máy, 01 sỹ quan máy học máy hai, 02 thuyền phó đi học thành thuyền trưởng, 02 sỹ quan boong học nâng cao quản lý thành thuyền phó, 03 thủy thủ học nâng cao thủy thủ AB, 03 phục vụ học nâng cao thành thủy thủ, 02 phục vụ thành thợ máy.

Trong năm 2018, Công ty phối hợp với Trường Văn hóa nghệ thuật Kiên Giang mở lớp bồi dưỡng tiếng Anh cho toàn thể cán bộ, nhân viên thuộc khối lao động trực tiếp tại Hà Tiên, Phú Quốc, Rạch Giá với thời lượng 6 tháng (03 buổi/tuần, 03 giờ/buổi). Lớp học giúp nhân viên nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh với khách nước ngoài và từ đó vận dụng các kiến thức tiếp thu vào công việc hàng ngày nâng cao hiệu quả trong quá trình giao tiếp và phục vụ khách du lịch.



Dự kiến năm 2019, Công ty sẽ tổ chức bồi dưỡng kỹ năng vi tính, Anh văn giao tiếp cho nhân viên khối lao động trực tiếp và lớp quản lý cấp trung cho các cấp phó, trưởng tại các phòng ban nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, từ đó gia tăng chất lượng dịch vụ của Công ty.



Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương cạnh tranh, phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.

Năm	Lương bình quân (đồng)	Tỷ lệ tăng (%)	Giải trình
2010	7.752.000	+92,4%	Tăng cao do tuyển dụng nhiều nhân viên ở cấp quản lý.
2011	9.596.000	+23,8%	Tăng cao do tuyển thêm nhiều nhân sự chủ chốt.
2012	9.509.000	-0,9%	Thực tế, tỉ lệ tăng lương từ 3-40% tùy từng công việc; tuy nhiên, do thường xuyên nhập khẩu tàu mới nên Công ty phải tuyển lao động mới liên tục. Nhân viên mới có mức lương thấp nên ảnh hưởng đến lương bình quân chung toàn Công ty.
2013	9.083.000	-4,8%	
2014	8.084.000	-10,9%	
2015	8.115.909	+0,4%	Năm 2015, tỉ lệ tăng lương thực tế từ 5% đến 30%; tuy nhiên, việc tuyển 57 nhân sự mới có mức lương thấp so với mặt bằng chung đã tác động tới mức lương bình quân toàn Công ty.
2016	8.570.426	+5,6%	Tăng từ 8 - 13%, tùy từng vị trí công việc; trong đó, cấp quản lý tăng từ 8 - 10%, cấp nhân viên tăng 13%.
2017	8.617.337	+0,5%	Tăng từ 7 - 15% tùy thuộc vào năng lực làm việc của mỗi nhân viên. Công ty tuyển thêm nhiều nhân viên để phục vụ cho tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo và tuyến phà Hà Tiên - Phú Quốc, nhân viên mới có mức lương khởi điểm thấp đã tác động mức lương bình quân toàn Công ty.
2018	9.417.489	+9,29%	Tăng từ 7 - 15% tùy thuộc vào năng lực làm việc của mỗi nhân viên.
Dự kiến 2019	8.500.000	-9,74%	Tăng từ 5 -15% tùy từng vị trí công việc, cụ thể như sau: cấp quản lý tăng từ 5 - 10%, cấp nhân viên tăng 15%; tuy nhiên, do Công ty tuyển thêm nhiều nhân viên để phục vụ cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, nhân viên mới có mức lương khởi điểm thấp đã tác động đến mức lương bình quân toàn Công ty.

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích toàn thể người lao động làm việc tích cực, nâng cao năng suất lao động và cống hiến cho sự phát triển của Công ty, Công ty có chính sách thưởng định kỳ thỏa đáng cho các cá nhân, tập thể đã đóng góp thiết thực vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty, bao gồm: thưởng cuối năm, thưởng trong các dịp như: Tết Dương lịch, Ngày 08/03, Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày 30/4 - 01/05, Ngày 02/09.
Chế độ thưởng tết 2019: từ 01 tháng đến 2,5 tháng lương tùy theo thâm niên và sự đóng góp của từng cá nhân trong công việc cho Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi

Bảo hiểm: Người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 2 tháng trở lên đều được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng theo quy định.

Phúc lợi:

- + Trong năm 2018 Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho từng nhân viên .
- + Nhân viên tham gia công đoàn có cuộc sống khó khăn sẽ được hỗ trợ vay vốn từ quỹ công đoàn Công ty.
- + Được tham gia các lớp tập huấn do Công ty phối hợp tổ chức với các trường nghiệp vụ như: tiếng Anh, giao tiếp, đào tạo quản lý cấp trung.



Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Công ty đều nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp Thuế thu nhập cá nhân, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp...



Kế hoạch nhân sự

Năm 2019, nhu cầu lao động của Công ty sẽ tăng cao để phục vụ cho việc đưa thêm tàu vào hoạt động tuyến Phan Thiết - Phú Quý, phà cao tốc tuyến Rạch Giá - Phú Quốc và khai trương khu nhà chờ tại bến Trần Đề (Sóc Trăng), cụ thể:

- Lao động trực tiếp: 30 lao động với mức lương bình quân khoảng 8.500.000 đồng/người
- Lao động gián tiếp:
 - Tp. HCM: 03 lao động
 - Rạch Giá: 05 lao động
 - Phú Quốc: 10 lao động
 - Hà Tiên: 05 lao động
 - Phan Thiết : 02 lao động
 - Phú Quý: 02 lao động
 - Sóc Trăng: 02 lao động



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

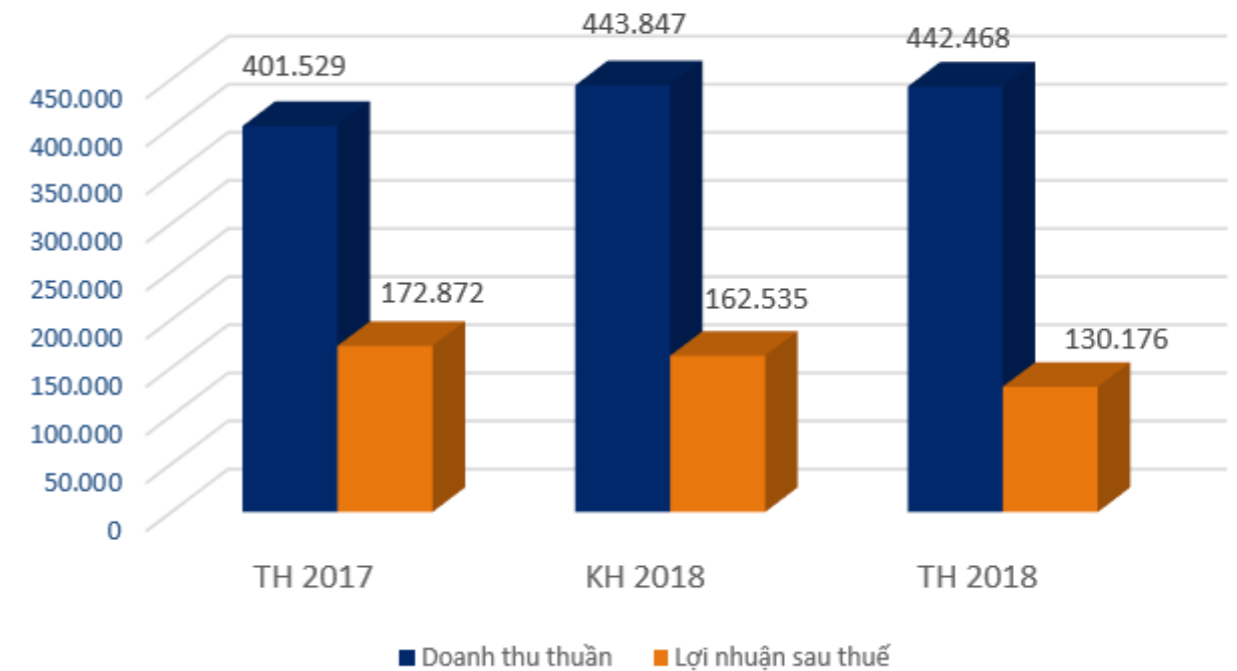
ĐV: Đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	%TH/ KH 2018	%TH 2018/2017
Vốn điều lệ	479.794.370.000	575.749.560.000	575.749.560.000	100%	120,00%
Doanh thu thuần	401.528.755.081	443.847.138.472	442.467.788.040	99,69%	110,20%
Lợi nhuận sau thuế	172.872.162.878	162.534.674.701	130.175.668.868	80,09%	75,30%
LNST/DTT	52,34%	36,62%	29,42%	-	-
LNST/VĐL	47,99%	28,23%	22,61%	-	-



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

So sánh các chỉ tiêu
ĐV: Triệu đồng



Trong năm qua, SKG đã tiến hành chi trả cổ tức theo như kế hoạch đã đề ra, làm tăng Vốn điều lệ lên 575,7 tỷ đồng.

Về hoạt động kinh doanh, việc đưa thêm các tàu mới vào hoạt động tại các địa bàn mới và loại hình dịch vụ mới đã mang lại cho Công ty sự tăng trưởng về doanh thu thuần 10,2% so với năm 2017. Mặc dù vậy, giá vốn hàng bán lại tăng 53,32% so với năm trước do (1) chi phí dầu DO tăng xuất phát từ việc giá dầu DO tăng. Điều kiện sóng gió khắc nghiệt hơn các năm trước và phần nhiều hơn đến từ việc phải bố trí thêm nhiều giờ khởi hành tăng cường nhằm cung cấp cho khách hàng nhiều lựa chọn hơn; từ đó, làm gia tăng nhiên liệu tiêu hao. (2) chi phí nhân công cũng tăng mạnh do nguồn cung nhân lực có chuyên môn trong ngành khan hiếm, không đáp ứng kịp nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh nên Công ty phải đưa ra chính sách lương, thưởng tương xứng nhằm thu hút lao động có trình độ cao. Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty bị suy giảm và chưa đạt kế hoạch đề ra.

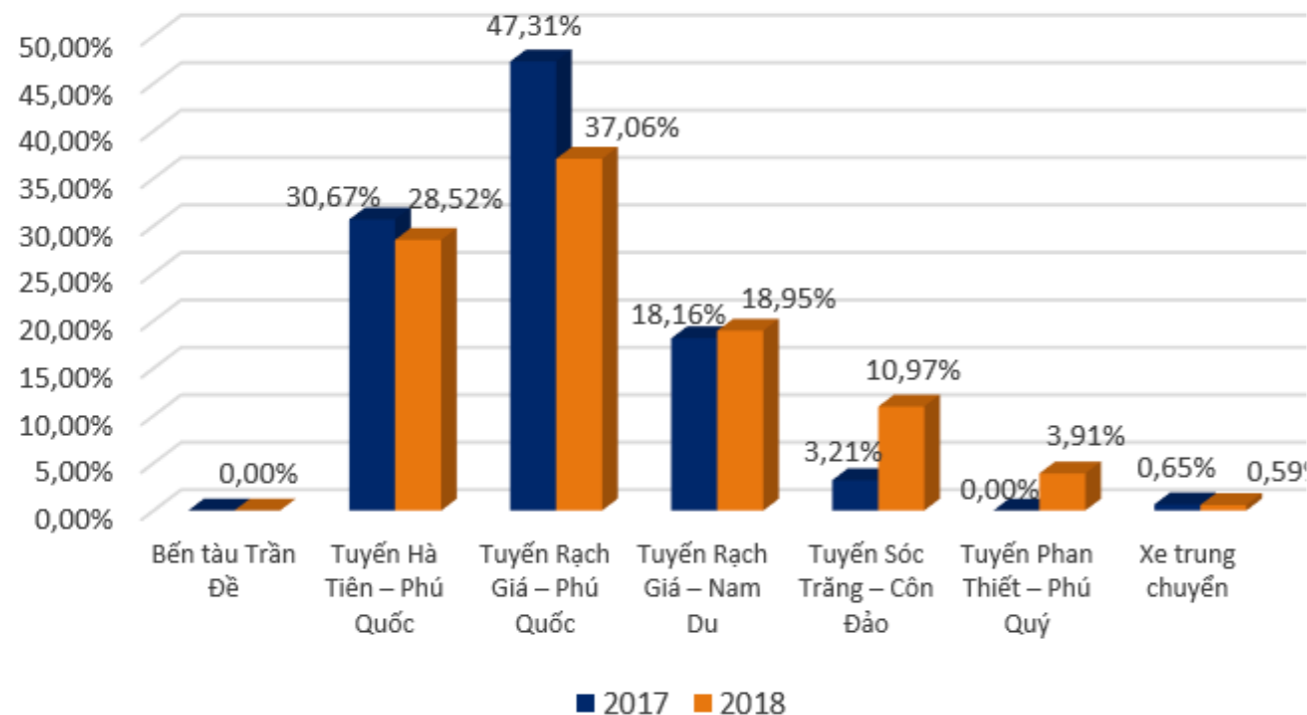


Cơ cấu doanh thu

ĐV: Triệu đồng

Tuyến tàu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bến tàu Trần Đề	-	-	-	0,00%
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	120.215	30,67%	123.116	28,52%
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	185.395	47,31%	160.045	37,06%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	71.163	18,16%	81.832	18,95%
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	12.579	3,21%	47.390	10,97%
Tàu Phan Thiết – Phú Quý	-	-	16.882	3,91%
Xe trung chuyển	2.545	0,65%	2.585	0,59%
Tổng cộng	391.897	100,00%	431.850	100,00%

Cơ cấu doanh thu theo tuyến



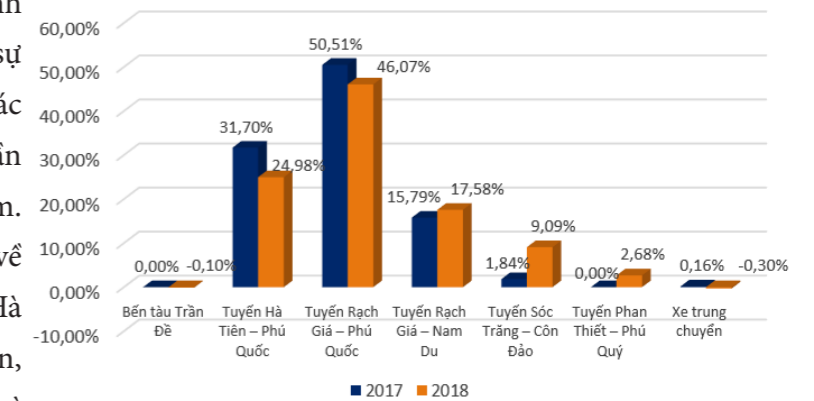
Như đã phân tích ở trên, năm 2018 doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng do sự đóng góp tích cực của các tàu và tuyến mới dù Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do giá vốn tăng mạnh đã làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐV: Triệu đồng

Tuyến tàu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bến tàu Trần Đề	-	-	-177	-0,1%
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	73.466	31,70%	45.453	24,98%
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	117.061	50,51%	83.843	46,07%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	36.600	15,79%	31.967	17,58%
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	4.269	1,84%	16.536	9,09%
Tàu Phan Thiết – Phú Quý	-	-	4.861	2,68%
Xe trung chuyển	375	0,16%	-496	-0,30%
Tổng cộng	231.771	100,00%	181.986	100,00%

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo tuyến



Các tuyến truyền thống như Rạch Giá – Phú Quốc, Hà Tiên – Phú Quốc, Rạch Giá – Nam Du vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp. Tuy toàn thị trường có sự tăng trưởng mạnh, song sự xuất hiện của các gương mặt mới tại các thị trường này đã phần nào tác động tới kết quả kinh doanh trong năm. Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc có sự suy giảm về doanh thu do (i) xu hướng lựa chọn tuyến Hà Tiên – Phú Quốc vốn có ưu thế về thời gian, giá vé của các khách đoàn tiếp tục được duy trì từ năm trước. (ii) sự xuất hiện của phà chở xe máy, phương tiện vận tải khác tại tuyến này đã thu hút được phần lớn khách hàng có nhu cầu mang xe máy sang Phú Quốc và xe 4 chỗ, 7 chỗ từ Hà Tiên chuyển sang sử dụng loại dịch vụ mới này. Hiện tượng này có thể được giải quyết khi Công ty đưa vào khai thác phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng về doanh thu của hai tuyến còn lại đã tiếp tục khẳng định được vị thế dẫn đầu của Công ty trên thị trường.

Vượt qua những gặp bất lợi về thông lệ của Cảng vụ hàng hải về điều kiện cấp phép tàu hoạt động trong điều kiện thời tiết trên cấp 7 và sự không đồng nhất về dự báo cấp sóng gió giữa cơ quan khí tượng thủy văn và Cục Đăng kiểm Việt Nam đối với tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, điều kiện bến bãi của tuyến Phan Thiết – Phú Quý hay thời tiết có diễn biến phức tạp hơn nhiều so với các năm trước đã ảnh hưởng rất lớn đến thời gian khai thác, 02 tuyến này vẫn có sự tăng trưởng mạnh cả về doanh thu, lợi nhuận gộp, qua đó nâng cao tỷ trọng đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.

Các khoản đầu tư lớn

Nhằm triển khai chiến lược kinh doanh trung và dài hạn trong tình hình mới, Công ty đã tiến hành đầu tư vào các phương tiện vận tải và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng quy mô hoạt động, cụ thể như sau:

Về các phương tiện vận tải:

Ở thị trường truyền thống: phà Superdong PII đã được đóng mới và đưa vào khai thác tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc; bên cạnh đó, tàu cao tốc Superdong VII đã hoàn tất việc hoán cải tại Malaysia để đưa vào sử dụng, dự kiến tàu cao tốc Superdong VIII cũng sẽ tiếp tục được đưa đi hoán cải để đưa về phục vụ khách hàng vào dịp 30/4 năm 2019. Theo kế hoạch Quý II năm 2019, phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc cũng sẽ được nhập khẩu từ Malaysia để đưa vào khai thác.

Ở thị trường mới: tàu cao tốc Superdong Côn Đảo II, tàu cao tốc Superdong Phú Quý I, II đã đưa vào khai thác tại các địa bàn mới; trong đó, tàu Superdong Phú Quý II đã được điều chỉnh một số thông số kỹ thuật và công suất của tàu để phù hợp hơn với tình hình thực tế của tuyến Phan Thiết – Phú Quý.



Về cơ sở hạ tầng:

Công ty đã thực hiện triển khai xây dựng công trình cầu cảng và nhà chờ tại Trần Đề - Sóc Trăng và khu hậu cần cảng Hà Tiên. Bến Trần Đề đã có thể tiếp nhận tàu phục vụ tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, Công ty cũng đang bổ sung các dịch vụ tiện ích để đưa vào hoạt động trong Quý 2 năm 2019 như khu café, khu ẩm thực, cửa hàng tiện lợi, các kiôts bán quà lưu niệm, đặc sản vùng miền, quảng bá các điểm đến do Công ty khai thác. Khu hậu cần cảng Hà Tiên vẫn chưa tiến hành xây dựng do gặp một số vướng mắc về thủ tục, Ban Điều hành đang tích cực làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.



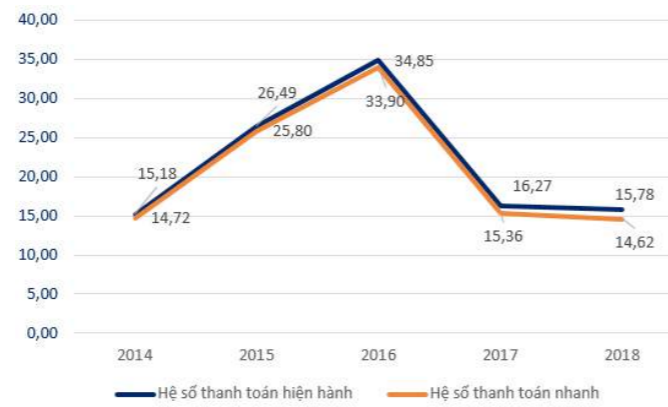
Tình hình tài chính

ĐV: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	825.695.094.853	882.652.688.804	6,9%
Doanh thu thuần	401.528.755.081	442.467.788.040	10,2%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	232.036.435.051	182.591.622.447	-21,31%
Lợi nhuận khác	-20.378.450.035	955.050.812	104,69%
Lợi nhuận trước thuế	183.882.605.329	138.444.670.124	-24,71%
Lợi nhuận sau thuế	172.872.162.878	130.175.668.868	-24,70%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

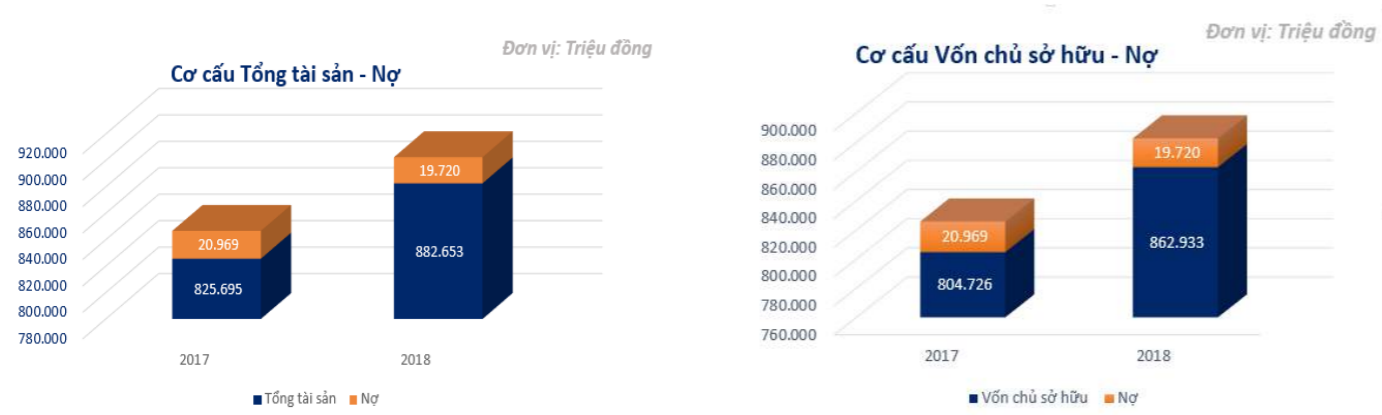
Trong năm 2018, các hệ số thanh toán của Công ty có sự giảm nhẹ so với 2017 ở mức 15,78 lần, cho thấy rằng SKG đang có xu hướng sử dụng hiệu quả tài sản hơn và vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán cho Công ty. Cụ thể, Công ty vẫn duy trì tài sản ngắn hạn để đầu tư tài chính ngắn hạn cũng như ứng trước cho người bán; hàng tồn kho cũng tăng 19,52% đạt mức 23 tỷ đồng (trong đó phụ tùng chiếm chủ yếu và dầu DO) để đảm bảo nhiên liệu là đầu vào quan trọng cũng như phục vụ hoạt động hàng ngày, bảo dưỡng và nâng cấp tàu, phà cao tốc. Trong khi đó, nợ ngắn hạn cũng giảm nhẹ do Công ty hoàn thành việc trả tiền trước cho người mua cũng như các khoản thuế; khoản phải trả người lao động tăng thêm từ việc gia tăng nguồn nhân lực và điều chỉnh chính sách lương để thu hút người lao động.



Song song với đó là việc đầu tư mở rộng thêm tuyến tàu chạy cũng như việc đóng thêm phà để đáp ứng nhu cầu khách hàng đã làm cho tài sản dài hạn tăng 17,95% (trong đó Tài sản cố định tăng 12,32%). Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh là 14,62 lần, cho thấy tính thanh khoản của Công ty luôn ở mức cao, tình hình tài chính đảm bảo ở mức an toàn.

Các chỉ tiêu	ĐV	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	16,27	15,78
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	15,36	14,62
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	2,54%	2,23%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,61%	2,29%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,46	12,32
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,52	0,52
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	43,05%	29,42%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,51%	15,09%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	22,44%	14,75%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	50,87%	31,07%

Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn



Cơ cấu vốn của SKG đang có xu hướng giảm tỷ lệ nợ phải trả và tiếp tục gia tăng vốn chủ sở hữu và tài sản để gia tăng tiềm lực về tài chính. Trong năm 2018, khoản nợ ngắn hạn đã giảm nhẹ và Công ty không có các khoản vay dài hạn để tài trợ cho các tài sản dài hạn. Cơ cấu vốn có tỷ lệ nợ phải trả nhỏ so với quy mô và tài sản thể hiện sự cân trọng trong việc sử dụng đòn bẩy của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng hoạt động

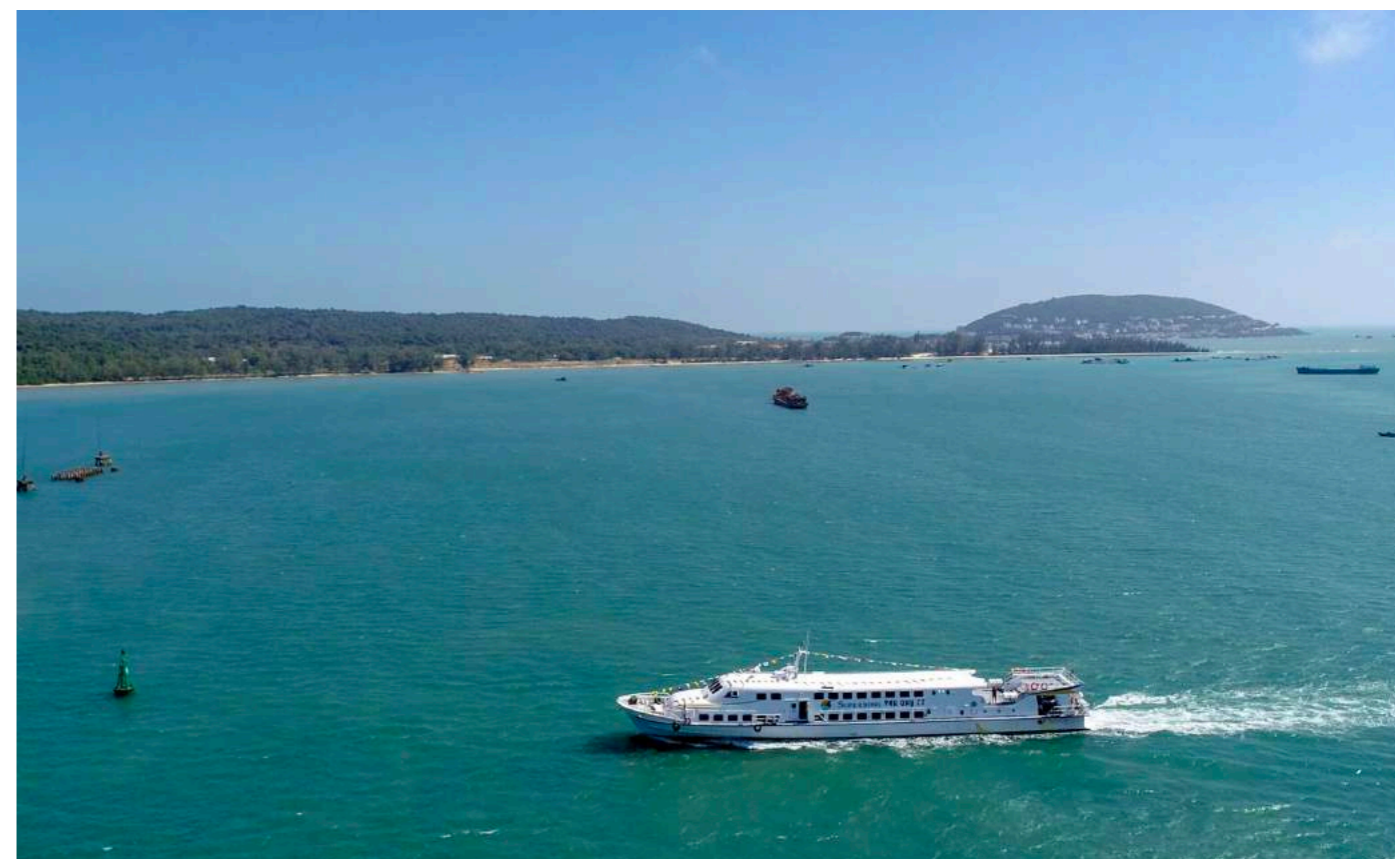
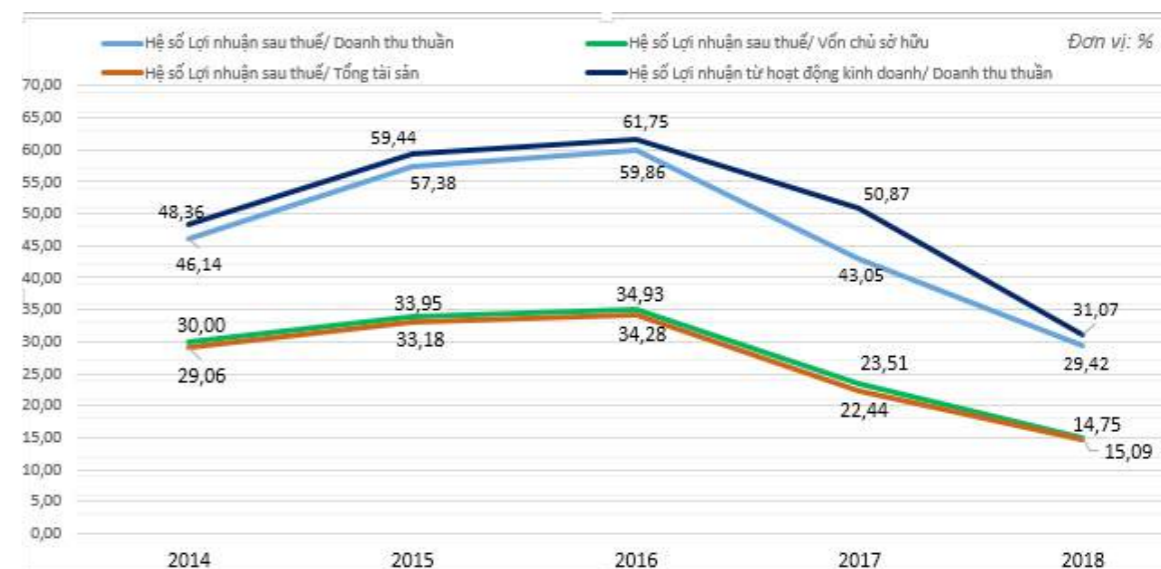
Vòng quay hàng tồn kho bắt đầu tăng trở lại vào năm 2018. Giá vốn hàng bán tăng cao 53,33% ở mức 259,9 tỷ đồng do ảnh hưởng của biến động của chi phí giá dầu là nguyên vật liệu chính chiếm 50% trong giá vốn như đã nêu ở các phần trước. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng đáng kể để đáp ứng và dự phòng cho hoạt động kinh doanh hàng ngày.

Tuy doanh thu thuần tăng 10,2% so với năm trước nhưng vòng quay tổng tài sản không tăng so với năm trước, duy trì ở 0,52 vòng do tài sản của Công ty cũng tăng thêm từ việc đóng thêm tàu, phà cao tốc. Từ đó có thể thấy rằng, triển vọng tăng trưởng trong dài hạn của Công ty, cũng như cho thấy việc mở rộng và sử dụng tài sản có hiệu quả trở lại.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời trong năm 2018 của Công ty có sự sụt giảm nhưng vẫn ở mức trung bình đối với doanh nghiệp dịch vụ cùng ngành. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm đáng kể so với năm trước tương ứng là 24,70% và 32,69% đạt mức 130,2 tỷ đồng và 137,5 tỷ đồng từ việc giá vốn hàng bán tăng mạnh; trong khi đó, doanh thu tăng trưởng 10,2% chưa theo kịp tốc độ tăng của giá vốn hàng bán nên lợi nhuận có dấu hiệu giảm. Tuy nhiên, việc đưa vào khai thác các tuyến tàu, phà mới kỳ vọng sẽ bắt đầu có hiệu quả sẽ giúp cho Công ty lấy lại đà tăng trưởng cho những năm tiếp theo.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Vốn điều lệ	575.749.560.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	57.574.956 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông	57.574.956 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.574.956 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 20/06/2018

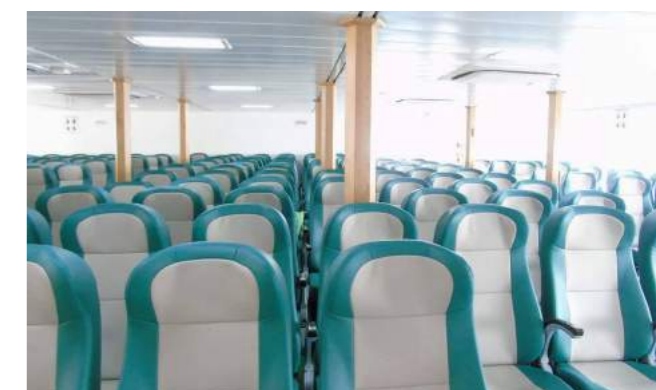
STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	2.792	32.656.846	56,72%
	Cổ đông tổ chức	31	2.943.495	5,11%
	Cổ đông cá nhân	2.761	29.713.351	51,61%
II	Cổ đông nước ngoài	101	24.918.110	43,28%
	Cổ đông tổ chức	25	3.186.500	5,53%
	Cổ đông cá nhân	76	21.731.610	37,74%
III	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
	Tổng cộng	2.893	57.574.956	100,00%

THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

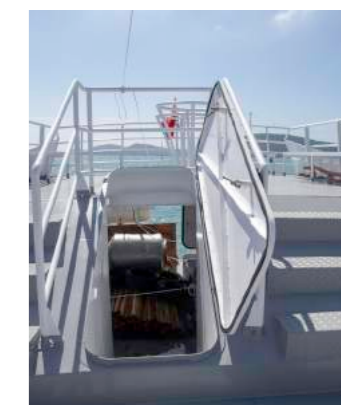
Danh sách cổ đông lớn tính đến ngày 20/06/2018

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Puan Kwong Siing	9.518.870	16,53%
2	Ting Chek Hua	6.888.704	11,96%

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu, tỷ lệ 20% để trả cổ tức năm 2017, nâng mức vốn điều lệ của Công ty từ 479.794.370.000 đồng lên 575.749.560.000 đồng



Trong năm 2018, Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ cũng như giao dịch chứng khoán khác.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của kiểm toán viên
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	ĐV	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH 2018/ TH2017	% TH/KH 2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	401.529	443.847	442.468	110,20%	99,69%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	204.261	172.180	137.489	67,31%	79,85%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-20.378	706	955	-	135,27%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	183.883	172.887	138.445	75,29%	80,08%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	172.872	162.535	130.176	75,30%	80,09%
EPS	Đồng	3.603	2.824	2.261	62,75%	80,06%

Công ty đã trải qua năm 2018 với nhiều nỗ lực để vượt qua các thách thức, từ đó khẳng định được bản lĩnh, vị thế của Công ty trên thị trường. Việc mở thêm tuyến mới, cũng như tăng cường thêm số lượng tàu hoạt động đã đem lại sự tăng trưởng 10,2% doanh thu, dù vậy Công ty cũng phải đối diện với thử thách từ việc giá vốn tăng mạnh đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm 2018.



Năm qua, tình hình cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt hơn khi số lượng tàu được đưa vào khai thác tăng mạnh đến từ việc đưa thêm tàu mới vào hoạt động của cả Công ty lẫn các công ty cùng ngành cũ và mới. Công ty buộc phải mở thêm chuyến dù công suất khai thác chưa lấp đầy; đồng thời, tăng chi phí hoa hồng, chiết khấu, xúc tiến thương mại nhằm giữ thị phần; từ đó, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.

Một số khó khăn mà Công ty còn đối diện

1

Sự khan hiếm nhân sự, nhất là các chức danh quản lý chuyên trách trên tàu. Ban lãnh đạo đã tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân viên để đưa ra các chính sách đãi ngộ phù hợp như nâng lương, các phúc lợi khác và tổ chức các buổi đối thoại cùng người lao động để thu hút và giữ chân người lao động.

2

Các quy định và chính sách điều chỉnh hoạt động của Công ty thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác của Công ty. Quy định về đăng kiểm ngày càng gắt gao, phức tạp làm tăng chi phí bảo trì, bảo dưỡng cũng như chi phí mua sắm thiết bị.



3

Các khó khăn về bến bãi hoạt động, khu hậu cần. Cảng Bãi Vòng và Rạch Giá hiện quá tải bởi sự gia tăng quá nhanh về phương tiện và chưa được quan tâm đầu tư đúng mức dẫn đến các tàu phải di dời thường xuyên và liên tục, lượng tiêu hao nhiên liệu cao hơn định mức, việc tăng chuyến cũng khó khăn hơn do không còn khung giờ trống, các quy định về tăng giảm chuyến cũng được các cơ quan quản lý siết chặt hơn gây ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác đội tàu. Tại Kiên Giang, Sóc Trăng chưa có nhà máy có đặc tính kỹ thuật phù hợp đảm bảo cho việc kéo tàu lên đà bảo dưỡng định kỳ hàng năm, Công ty phải đưa tàu về Cần Thơ thực hiện công tác bảo dưỡng làm cho chi phí quản lý, chi phí nhân sự, chi phí nhiên liệu dành cho việc bảo dưỡng tăng cao hơn.



4

Điều kiện thời tiết, đặc biệt vào sáu tháng cuối năm có nhiều diễn biến phức tạp, thủy triều dao động khá nhiều, thấp nhất trong 05 năm qua đã ảnh hưởng đến mật độ và tần suất khai thác của Công ty.

Thuận lợi của Công ty

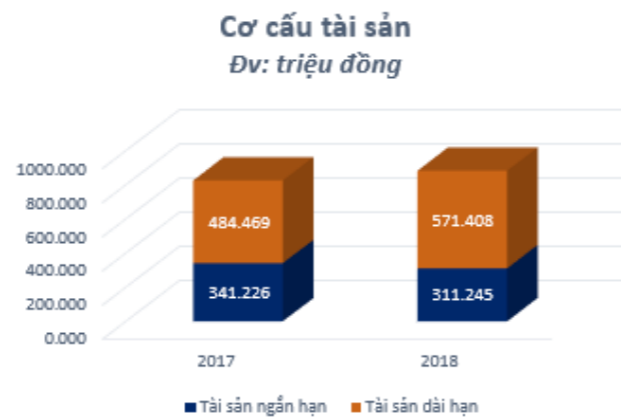
Dù vậy, Công ty vẫn duy trì được thể mạnh của doanh nghiệp đầu ngành; cụ thể: Công ty có nguồn lực tài chính vững mạnh, không sử dụng vốn vay nên không chịu áp lực của lãi suất vay. Số lượng tàu nhiều, đa dạng đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của khách hàng, có thể chủ động trong việc bố trí tàu hoạt động và thay thế ngay khi tàu có sự cố hư hỏng không thể tiếp tục hoạt động. Công ty cũng sở hữu nguồn nhân lực trẻ, năng động, am hiểu vùng biển khai thác, có kinh nghiệm công tác nhiều năm trong ngành, có chuyên môn cao, làm chủ công nghệ, không chỉ vận hành khai thác và còn có thể sửa chữa, xử lý các sự cố phát sinh một cách chủ động và độc lập, có tâm huyết cùng công ty hợp tác lâu dài. Phương tiện của Công ty được tối ưu về tiêu hao nhiên liệu, đặc tính kỹ thuật phù hợp vùng biển khai thác nhằm giảm thiểu các rủi ro trong quá trình vận hành khai thác. Đồng thời, cơ cấu tổ chức, vận hành đơn giản, gọn nhẹ, các chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ làm giảm chi phí cho Công ty.



Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	341.226	311.245	-8,79%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	484.469	571.408	17,95 %
Tổng tài sản	Triệu đồng	825.695	882.653	6,90 %
Vòng quay tài sản	Vòng	0,52	0,52	-
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	20,94%	14,75%	-

Tổng tài sản Công ty năm 2018 có sự tăng lên tích cực 6,9% so với năm trước và đạt mức 882,6 tỷ đồng. Thực hiện chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty tiếp tục đầu tư thêm phương tiện vận tải làm tăng tài sản dài hạn, từ đó gia tăng tổng tài sản. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn lại có xu hướng giảm 8,79% duy trì ở mức 311,2 tỷ đồng do Công ty đã hoàn thành trả tiền ứng cho người mua và các khoản thuế phải nộp cho nhà nước.



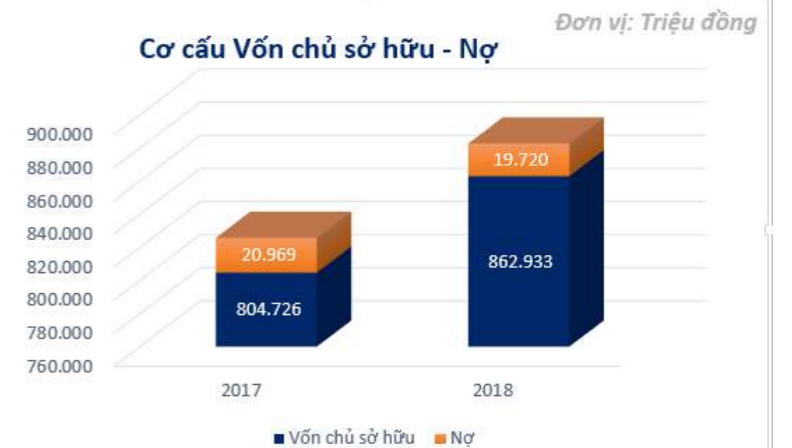
Đối với hiệu suất sử dụng tài sản, Công ty vẫn duy trì đạt mức 0,52 vòng trong khi doanh thu thuần vẫn tăng 10,2% do quy mô tài sản tăng thêm như đã phân tích trên. Công ty kỳ vọng sẽ lấy lại đà tăng trưởng và tiếp tục tăng tốc phát triển. Chỉ tiêu khả năng sinh lợi từ tổng tài sản giảm khá đáng kể so với năm 2017 do ảnh hưởng bởi biến động chi phí dầu làm tăng mạnh giá vốn hàng bán, từ đó gây ra sự sụt giảm trong lợi nhuận từ kết quả kinh doanh.



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/ giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	20.969	19.720	-6,33%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Tổng nợ	Triệu đồng	20.969	19.720	-6,33%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	804.726	862.933	7,23%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	825.695	882.653	6,70%

Với việc không sử dụng nợ dài hạn nên áp lực nợ chỉ đến từ khoản nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn giảm 6,33%. Như đã phân tích ở trên cũng cho thấy rằng Công ty chú trọng vào chính sách đãi ngộ về lương cho nguồn nhân lực khi khoản trả cho người lao động tăng lên đáng kể.



Tuy nhiên, vốn chủ sở hữu lại tăng 7,23% so với năm 2017 và đạt mức 862,93 tỷ đồng. Điều này được giải thích: Mặc dù lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng đáng kể đến 130,18 tỷ đồng nhưng trong năm Công ty cũng đã chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với số tiền 71,97 tỷ đồng. Trong khi đó, việc phát hành cổ phiếu sau khi điều chuyển giá trị không gây tác động đến vốn chủ sở hữu.

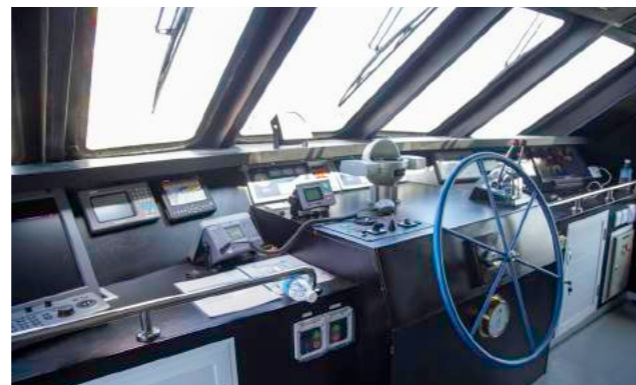


Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước, tuy nhiên có sự bổ sung thêm các chi nhánh mới thành lập tại Sóc Trăng, Côn Đảo và Phú Quý phục vụ cho hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại các tuyến mới Sóc Trăng – Côn Đảo; Phan Thiết – Phú Quý. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này; vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến thêm.



Ở thị trường truyền thống, Công ty sẽ phát huy tối đa các ưu thế sẵn có như thương hiệu hàng đầu, được tin dùng lâu năm, đội tàu có số lượng nhiều nhất, kích cỡ phù hợp, chi phí vận hành, giá vé hợp lý... để gia tăng năng lực cạnh tranh. Công ty đang là đơn vị duy nhất phục vụ hành khách với các loại hình dịch vụ đa dạng là tàu cao tốc, tàu phà, xe trung chuyển. Công ty sẽ tiếp tục điều phối các tàu hiện có duy trì hiệu quả hoạt động tại các tuyến đã khai thác, đặc biệt là đưa tàu cao tốc Superdong VII, VIII sau khi được hoán cải, phà cao tốc tại Rạch Giá vào khai thác và xây dựng khu hậu cần cảng tại Hà Tiên để có thể thu hút khách hàng, đảm bảo được công suất.

Đối với các địa bàn mới: Dự kiến Quý II năm 2019, Công ty sẽ đưa khu phức hợp gồm café, ẩm thực, quà lưu niệm, cửa hàng tiện lợi, các thông tin du lịch tại bến cảng Trần Đề và các điểm đến do Công ty khai thác đi vào hoạt động, nghiên cứu hợp tác với các hãng xe để thúc đẩy sự phát triển của tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo. Với tuyến mới Phan Thiết – Phú Quý, Công ty sẽ thực hiện tăng số chuyến và đầu tư thêm xe trung chuyển, xe điện chạy quanh đảo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Công ty cũng sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua công tác đào tạo, giám sát nhân viên tại khối lao động trực tiếp, thực hiện các chương trình nhằm đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống đặt và thanh toán vé trực tuyến, tổ chức các sự kiện quảng bá, chương trình marketing nhằm phổ biến và gia tăng sự nhận diện đối với thương hiệu Superdong trong tâm trí khách hàng.



Trong năm 2018, SKG đã thực hiện chiến lược kinh doanh đa dạng hóa loại hình và địa bàn cung cấp dịch vụ để phù hợp với tình hình kinh doanh mới cũng như áp lực cạnh tranh; đây là một bước đi quan trọng, quyết định năng lực cạnh tranh và duy trì tốc độ tăng trưởng của Công ty trong trung và dài hạn.



Lĩnh vực vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng các phương tiện vận tải hiện đại như tàu cao tốc, phà khách, phương tiện vận tải và hàng hóa còn rất mới, rất tiềm năng tại Việt Nam, nhất là trong điều kiện nhà nước đang khuyến khích, thúc đẩy phát triển du lịch biển đảo. Công ty tự hào là một trong những thương hiệu đầu tiên và có số lượng tàu cao tốc nhiều nhất của cả nước. Hơn 15 năm qua, thương hiệu Superdong luôn nhận được sự tin dùng của các khách hàng trong và ngoài nước.

Công ty sở hữu đội ngũ nhân viên lành nghề, có nhiều kinh nghiệm trong công tác phục vụ hành khách, điều động tàu, nhiệt huyết, tận tâm vì công việc; cùng hệ thống phân phối vé rộng rãi, hiệu quả, đội tàu hoạt động ổn định, an toàn; vì thế, Công ty đã luôn giữ vững vị trí dẫn đầu trong gần 10 năm qua.



Tuy vậy, năm qua, Công ty cũng phải ứng phó linh hoạt với những khó khăn tới từ việc thay đổi môi trường cạnh tranh tại Kiên Giang. Các hãng tàu mới gia nhập thị trường và bổ sung thêm tàu đã đặt ra những bài toán khó cho Công ty như: làm thế nào để giữ được thị phần nhưng không ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh? Làm cách nào để tuyển thêm được đội ngũ nhân viên đạt yêu cầu với chi phí hợp lý nhất để đáp ứng cho nhu cầu mở rộng khi lao động trong ngành vận tải đang bị khan hiếm? Bố trí tàu tăng cường thế nào để phù hợp với nhu cầu của hành khách khi bến đón trả khách đang trong tình trạng quá tải và sửa chữa nâng cấp? Các tuyến mới Sóc Trăng – Côn Đảo, Phan Thiết – Phú Quý có tín hiệu thị trường rất tốt, đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận của Công ty dù điều kiện thời tiết cuối năm không thực sự thuận lợi cho thấy định hướng mở rộng sang địa bàn mới là hợp lý, đúng đắn.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, Công ty đã kết thúc một năm hoạt động có sự suy giảm so với năm trước về lợi nhuận. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy các mặt hoạt động nội tại và hoạt động kinh doanh chính vẫn đang được thực hiện đúng với kế hoạch, phù hợp với những chuyển biến của thị trường, xu hướng phát triển của ngành; qua đó, góp phần giữ vững được các giá trị cốt lõi mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn cố gắng mang lại cho cổ đông; từ đó, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện khá tốt các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh thường niên, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc.

Mặc dù, doanh thu tăng trưởng hơn 12%, song vẫn còn tồn tại vấn đề về đầu vào cũng như cạnh tranh từ các công ty cùng ngành nên kết quả lợi nhuận sau thuế cuối cùng cho thấy chỉ tiêu này có sự suy giảm so với cùng kỳ, chỉ đạt gần bằng kế hoạch được đề ra nhưng Hội đồng quản trị thực sự ghi nhận những giá trị mà các thành viên Ban Điều hành đã công hiến cho Công ty trong năm 2018, hy vọng rằng trong thời gian tới, với việc triển khai nhiều chiến lược kinh doanh mới sẽ làm hiệu quả kinh doanh của Công ty có sự cải thiện để lấy lại được đà tăng trưởng.



Các chỉ tiêu kế hoạch 2019

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	KH2019/TH2018
Vốn điều lệ (đồng)	575.749.560.000	633.324.516.000	110%
Doanh thu thuần (đồng)	442.467.788.040	533.366.055.482	120,54%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	130.175.668.868	143.289.428.526	110,07%
Cổ tức (%) (*)	20%	20%	-

(*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHĐCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2018 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2019.

Định hướng của Hội đồng quản trị



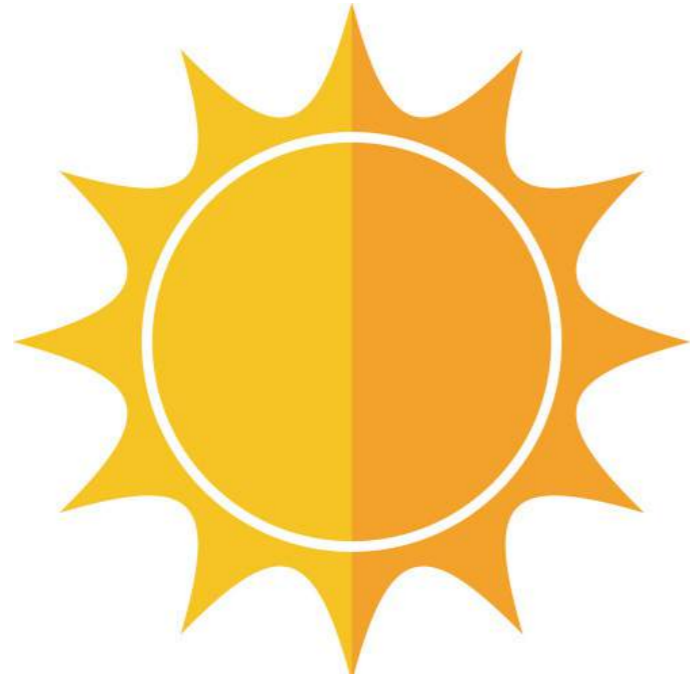
Thu nhập của người dân Việt Nam đang tăng dần qua các năm, nhu cầu về du lịch, đặc biệt là du lịch biển đảo đang được người dân lựa chọn nhiều. Địa bàn hoạt động được đặt tại khu vực Trung và Nam Bộ, với nhu cầu vận chuyển cũng như du lịch có tiềm năng và dư địa lớn, Công ty sẽ tiếp tục tập trung khai thác hiệu quả lĩnh vực kinh doanh chính là vận chuyển hành khách, hàng hóa, phương tiện vận tải theo tuyến cố định tới các đảo du lịch nổi tiếng. Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao như sự tiện nghi, thuận lợi, chi phí hợp lý của khách hàng là mục tiêu trọng tâm trong mọi kế hoạch hoạt động của Công ty.

Theo đó, Công ty sẽ thực hiện cải tiến về tốc độ, trang thiết bị, các tiện ích của đội tàu Superdong; tập trung đầu tư khu phức hợp tại bến cảng Trần Đề, khu hậu cần tại Hà Tiên, xe trung chuyển, xe thăm quan đảo cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, Phan Thiết – Phú Quý; đẩy mạnh hơn các hoạt động nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu Superdong đối với khách hàng, khuyến khích sử dụng hệ thống đặt và thanh toán vé trực tuyến.

Công ty đã hoàn thành việc mở rộng thêm các tuyến mới trong năm 2018, đây sẽ là bàn đạp để tiếp tục phát triển cho những năm tiếp theo, giữ vững vị thế số 1 về thị phần của Công ty trong thời gian tới; qua đó, gia tăng thêm uy tín, sự tin tưởng của khách hàng.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Về hoạt động kinh doanh

- Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến khách hàng những dịch vụ thực sự chất lượng.
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông.
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

Về môi trường

- Giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, đặc biệt là môi trường biển.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm.
- Ưu tiên lựa chọn những công nghệ thân thiện với môi trường.



Về xã hội

- Tạo ra việc làm cho người lao động tại các địa bàn hoạt động như: Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận,...
- Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc.
- Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực trong công việc; qua đó, phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận góp phần thực hiện mục tiêu hoạt động mà Công ty đang theo đuổi.
- Công ty luôn tự ý thức trách nhiệm của mình đối với xã hội. Tích cực tạo điều kiện, ủng hộ việc thực hiện các chương trình xã hội.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đối tượng/chỉ tiêu	Giá trị mang lại trong năm 2018
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 442,5 tỷ đồng, LNST: 130,18 tỷ đồng.
Cổ đông	Cổ tức năm 2017: 15% bằng tiền mặt & 20% bằng cổ phiếu.
Nhà nước	Thuế đóng góp trong năm 2018: 44,27 tỷ đồng.
Người lao động	Lương bình quân: 9.417.489 đồng/người/tháng

Trong năm qua, dù kết quả kinh doanh có sự giảm sút nhưng các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó luôn được Ban điều hành Công ty triển khai và cố gắng hoàn thành tốt, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông.

Cho đến nay, những thành công mà Công ty gặt hái được đều do các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên và thuyền viên năng động, chuyên nghiệp; cũng như không ngừng gia tăng các tiện ích trên tàu, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty; đồng thời, chú trọng triển khai các dịch vụ có liên quan như dịch vụ trung chuyển, lưu trú, bến bãi, nhà chờ nhằm mang tới cho khách hàng những gói dịch vụ tốt và tiện lợi nhất.



Với việc tiếp tục duy trì hoạt động vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc, dầu DO vẫn là nhiên liệu đầu vào quan trọng cho hoạt động của SKG. Việc sử dụng loại nhiên liệu này sẽ có một số tác động đến môi trường tự nhiên, do đó Công ty đã, đang áp dụng các biện pháp hợp lý để giảm thiểu tác động:

Tiết kiệm, sử dụng hiệu quả

- Các tàu của Công ty đều được đóng tại các công ty uy tín, có sự đảm bảo về chất lượng, với công nghệ tiên tiến và ngày càng có sự tiến bộ về mức độ thân thiện với môi trường khi được cấp chứng nhận giảm phát thải (CER) đối với bộ phận máy chính vận hành tàu.
- Loại tàu mà Công ty đang sử dụng có ưu thế hơn trong việc tiêu hao nhiên liệu; đồng thời, với thiết kế phù hợp đặc tính sóng và gió tại địa bàn hoạt động nên tàu sẽ di chuyển được tốc độ nhanh với mức nhiên liệu hợp lý.
- Các kế hoạch kinh doanh của Công ty đều được khảo sát thận trọng để đưa vào khai thác đúng thời điểm, việc bố trí giờ khởi hành khoa học cũng góp phần tránh lãng phí từ việc tàu chạy trống tải hoặc quá ít hành khách.
- Tại khối văn phòng, năng lượng điện và nước được sử dụng với mức độ hợp lý, không gây lãng phí, các dụng cụ văn phòng phẩm được sử dụng và tái sử dụng.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Toàn bộ tàu của Công ty đều đáp ứng tiêu chuẩn không gây ô nhiễm môi trường và được cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xác nhận.
- Đến nay, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ và các quy định về môi trường.

Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

- Giấy và các loại văn phòng phẩm sau khi sử dụng không còn khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom để riêng nhằm giúp đơn vị xử lý rác thải tại khu vực dễ dàng phân loại.
- Tại phòng bán vé và trên các tàu cao tốc, Công ty bố trí bảng quy định về rác thải cũng như hướng dẫn cụ thể nơi gom rác, bố trí các thùng chứa rác khác nhau cho từng loại rác với mục đích hạn chế tối đa rác thải trên biển từ việc xả rác bừa bãi. Rác thải sau khi thu gom sẽ được phân loại theo những tiêu chí nhất định để mang đi xử lý đúng quy định.
- Chất thải nhiên liệu được thu gom tập trung để xử lý theo quy định.

Về xã hội

Đối với người lao động

Đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, đội ngũ nhân viên và thuyền viên hiện nay đã tăng lên nhiều so với thời điểm những năm đầu hoạt động. Nhận thấy lực lượng lao động trong ngành đang ngày càng khan hiếm, cũng như mục tiêu của Công ty là tiếp tục công tác đào tạo nguồn lao động chất lượng cao để nâng cao an toàn và chất lượng dịch vụ. Công ty cam kết thực hiện đúng các thỏa ước lao động với nhân viên của mình, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp và xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh, lành mạnh. Mức lương trung bình hiện nay tại Công ty trong năm qua là 9,4 triệu đồng/người/tháng, dự kiến năm 2019 sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng 5 – 15% tùy theo năng lực của người lao động. Năm qua, toàn bộ nhân viên Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ và sẽ duy trì đều đặn trong thời gian tới. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng phục vụ nhằm phục vụ tốt hơn cho khách hàng như đã đề cập ở phần chính sách nhân sự.



Đối với khách hàng

Tuyệt đối đảm bảo an toàn cho khách hàng trên từng chuyến tàu, Công ty sẽ không hoạt động tàu khi điều kiện thời tiết không bảo đảm. Vấn đề an toàn trong suốt chuyến hành trình được đặt lên trên hết. Thiết bị cứu hộ, cứu nạn của tàu luôn đạt tiêu chuẩn và được định kỳ kiểm tra, đánh giá để có kế hoạch thay thế, bổ sung kịp thời. Tất cả thuyền viên đều đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn theo quy định về an toàn hàng hải.

Hiện với đội tàu đang hoạt động gồm 16 chiếc tàu cao tốc và 02 phà phục vụ tại 05 tuyến chính, Công ty có thể đảm bảo hoạt động của các tàu đều thực sự linh hoạt, đúng giờ và không bị quá tải nhằm khẳng định chất lượng dịch vụ, bảo vệ an toàn cho hành khách. Tiếp tục củng cố doanh thu từ các tuyến cũ và khai thác tối đa các tuyến mới vào hoạt động như Phan Thiết – Phú Quý hơn nữa để gia tăng lợi nhuận cho Công ty.



Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường để đưa ra các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng, tiếp thu ý kiến đóng góp từ khách hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn.



Đối với cộng đồng

Với mong muốn tham gia đóng góp cho các chương trình mang nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, Công ty sẽ tiếp tục có sự phối hợp với các đơn vị có chuyên môn nhằm ủng hộ, vận động kinh phí giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình xây dựng cộng đồng có tính hiệu quả lâu dài, đặc biệt là tại các địa phương có hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 17/05/2018, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 HĐQT đã thông qua việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ. Trong năm 2018, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện vai trò giám sát liên tục kết hợp phòng ngừa rủi ro trên tất cả các hoạt động thuộc phạm vi giám sát.

Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính quý, năm trước khi Ban Điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ, đảm bảo thông tin trước khi công bố ra bên ngoài theo đúng quy định của pháp luật: Đảm bảo các báo cáo tài chính trước khi công bố được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và đúng theo quy định của Pháp luật liên quan; Ban Kiểm toán chủ động soát xét các báo cáo quý để nâng cao độ tin cậy trước khi công bố. Ngoài ra, Ban Kiểm toán nội bộ xem xét ý kiến của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao hơn nữa năng lực giám sát của tiểu ban, đồng thời tìm các biện pháp để cải thiện với Ban điều hành, từ đó nâng cao năng lực phát triển của Công ty.



Ngoài ra, hoạt động giám sát kiểm toán nội bộ cũng được Ban Kiểm toán nội bộ chú trọng. Tiểu ban đã tiến hành đánh giá toàn diện chức năng kiểm toán nội bộ trong năm 2018 và hoàn thành tốt nhiệm vụ cũng như kế hoạch kiểm toán được giao.

Ngoài những hoạt động nêu trên, Ban Kiểm toán nội bộ cũng giám sát dịch vụ Kiểm toán độc lập như đánh giá đề xuất kế hoạch thực hiện công việc kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập sao cho phù hợp với phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian mà vẫn đảm bảo được chất lượng, tính độc lập của công ty kiểm toán.

Bên cạnh đó, công tác giám sát Tuân thủ và Phòng chống gian lận cũng đã được Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện. Công ty đã tổ chức nhiều khóa truyền thông, huấn luyện nhằm nâng cao nhận thức trong việc phòng chống gian lận cho các phòng ban.

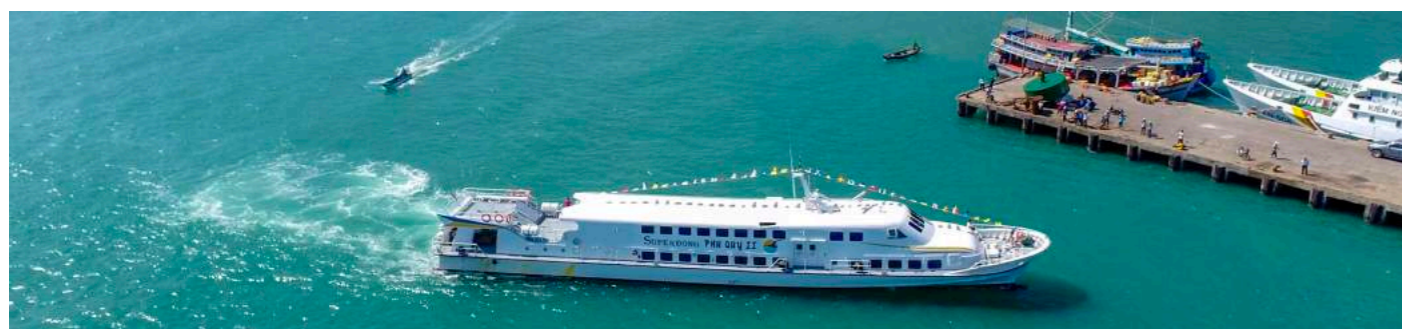
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	9	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch	5	100%	ĐHĐCĐ thường niên 2018 bầu HĐQT ngày 27/04/2018
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	9	100%	
4	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	9	100%	
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên	5	100%	ĐHĐCĐ thường niên 2018 bầu HĐQT ngày 27/04/2018
6	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên	5	100%	ĐHĐCĐ thường niên 2018 bầu HĐQT ngày 27/04/2018
7	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên	5	100%	ĐHĐCĐ thường niên 2018 bầu HĐQT ngày 27/04/2018
8	Bà Quách Hồng	Thành viên	4	100%	Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2018
9	Ông Puan Chiong	Thành viên	4	100%	Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2018
10	Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	3	75%	Đi công tác. Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2018
11	Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	4	100%	Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2018
12	Ông Ting Chek Hua	Thành viên	1	100%	HĐQT thông qua đơn từ nhiệm của Ông Ting Chek Hua ngày 16/01/2018

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	15/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc đóng phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc; Thông qua việc chọn Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD là đơn vị thực hiện đóng phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc; Thông qua đơn từ nhiệm của ông Ting Chek Hua; Thông qua việc sửa đổi quy trình công bố thông tin; Thông qua việc ký hợp đồng thuê văn phòng Công ty tại Hà Tiên với bà Hà Nguyệt Nhi; Thông qua việc cải tạo, nâng cấp đội tàu Superdong.với tổng giá trị không vượt quá 1,2 triệu USD.
2	02/2018/NQ-HĐQT	06/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng đóng phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc; Thông qua việc lựa chọn Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD là đối tác thực hiện cải tạo, nâng cấp đội tàu Superdong.
3	03/2018/NQ-HĐQT	14/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
4	04/2018/NQ-HĐQT	05/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo thường niên 2017; Thông qua thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	05/2018/NQ-HĐQT	27/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc bầu Bà Hà Nguyệt Nhi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang nhiệm kỳ 2018-2022. Bà Hà Nguyệt Nhi là một trong hai người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời là người công bố thông tin Công ty; • Thông qua việc bầu Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang nhiệm kỳ 2018-2022.
6	06A/2018/NQ-HĐQT	17/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018; • Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2017; • Thông qua việc quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Chủ tịch HĐQT và TGĐ); • Thông qua các nội dung về Người điều hành Công ty; • Thông qua việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ; • Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty.
7	06B/2018/NQ-HĐQT	17/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua thù lao của HĐQT và lương của người điều hành Công ty năm 2018.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	07/2018/NQ-HĐQT	13/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) đối với 9.595.591 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017; • Sửa đổi Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty về mức vốn điều lệ công ty phù hợp với mức vốn sau khi phát hành 9.595.519 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017; • Đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với mức vốn điều lệ mới Công ty; • Thông qua việc Bà Hà Nguyệt Nhi và Ông Puan Kwong Siing đứng tên đồng chủ tài khoản của Công ty tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
9	08/2018/NQ-HĐQT	29/09/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc từ nhiệm Kế toán trưởng của Bà Lưu Hải Anh. Bà Lưu Hải Anh sẽ thôi chức vụ Kế toán trưởng của Công ty kể từ ngày 30/09/2018; • Thông qua việc bổ nhiệm Bà Bùi Thị Hồng Đào giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách lĩnh vực kế toán của Công ty kể từ ngày 30/09/2018; HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định, triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến lương, các lợi ích khác cho Kế toán trưởng đảm bảo các yếu tố (1) Nhu cầu của Công ty. (2) Năng lực, khả năng chuyên môn, sự đóng góp của chức danh này. (3) Ngân sách hàng năm của Công ty. • Thông qua việc bổ nhiệm Bà Lương Nguyễn Mỹ Chi thay thế Bà Đặng Thị Kim Loan giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký Công ty kể từ ngày 30/09/2018.
10	BBH HĐQT ngày 28/12/2018	28/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình kinh doanh và thực hiện dự án năm 2018.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Phan Hồng Phúc và Bà La Xuân Đào – thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục góp phần giúp HĐQT giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, Ông Bà đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.



Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Hiện nay, các thành viên HĐQT của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp cả trong và ngoài nước (xem chi tiết tại phần sơ yếu lý lịch). Tuy nhiên, vì các TV HĐQT thành viên Hội đồng quản trị hiện nay đang sinh sống tại nhiều địa điểm khác nhau, đồng thời số lượng lớp học về quản trị công ty do UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức còn khá ít nên các thành viên chưa thể tham gia các lớp học để lấy chứng chỉ về quản trị công ty.

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng ban	01	100%
2	Ông Lương Văn Hồng	Thành viên	01	100%
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên	01	100%

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, HĐQT đã thông qua việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ. Tuy nhiên, trong năm 2018, BKS cũng đã tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, xem xét, rà soát các Nghị Quyết do HĐQT ban hành nhằm kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Nhằm đảm bảo Công ty luôn hoạt động hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho cổ đông. Trong nhiệm kỳ, BKS đã nghiêm túc thực hiện chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát các mục tiêu và hoạt động mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; cũng như tiến độ triển khai các dự án, kế hoạch kinh doanh.

ĐV: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tổng Lương	Tổng Thưởng	Tổng thu nhập
Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ						
1	Ting Chek Hua	TV HĐQT	9.000.000	-	-	9.000.000
2	Puan Chiong	TV HĐQT	36.000.000	-	-	36.000.000
3	Quách Hồng	TV HĐQT	60.000.000	-	-	60.000.000
4	Lê Vũ Nam	TV HĐQT	60.000.000	-	-	60.000.000
5	Đặng Thị Ngọc Bích	TV HĐQT	36.000.000	86.284.617	-	122.284.617
Tổng			201.000.000	86.284.617	-	287.284.617
Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới						
1	Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	252.000.000	246.900.000	45.320.000	544.220.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó CTHĐQT	120.000.000	439.527.019	120.560.000	680.087.019
3	Puan Kwong Siing	TV HĐQT	108.000.000	927.902.308	133.333.333	1.169.235.641
4	Nguyễn Thị Hoa Lệ	TV HĐQT	108.000.000	-	-	108.000.000
5	Tăng Siêu Tâm	TV HĐQT	72.000.000	-	-	72.000.000
6	La Xuân Đào	TV HĐQT	72.000.000	-	-	72.000.000
7	Phan Hồng Phúc	TV HĐQT	72.000.000	-	-	72.000.000
Tổng			804.000.000	1.614.329.327	299.213.333	2.717.542.660
Ban Kiểm soát						
1	Trương Hữu Lộc	Trưởng BKS	30.000.000	-	-	30.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên BKS	30.000.000	109.775.181	-	139.775.181
3	Lương Văn Hồng	Thành viên BKS	18.000.000	-	-	18.000.000
Tổng			78.000.000	109.775.181	-	187.775.181

ĐV: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tổng Lương	Tổng Thưởng	Tổng thu nhập
Ban Điều hành						
1	Puan Kwong Siing	Tổng GD	-	NT	NT	NT
2	Chua Peng Teck	Phó Tổng GD	-	240.500.000	32.000.000	272.500.000
3	Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng GD	-	650.700.000	140.000.000	790.700.000
Tổng			-	891.200.000	172.000.000	1.063.200.000

Ban Kiểm toán nội bộ						
1	Phan Hồng Phúc	Trưởng Ban KT nội bộ	120.000.000	-	-	120.000.000
Tổng			120.000.000			120.000.000

Kế toán trưởng						
1	Luu Hải Anh	Kế toán trưởng	-	332.070.000	-	332.070.000
2	Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng	-	157.380.769	31.333.333	188.714.102
Tổng			-	489.450.769	31.333.333	520.784.102



Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Thành viên HĐQT và người có liên quan						
1. Hà Nguyệt Nhi	CT HĐQT	1.294.218	2,697%	1.293.061	2,246%	Nhận cổ tức năm 2017 và bán cổ phiếu
Vương Lục Muội	Mẹ	270	0,001%	324	0,001%	Nhận cổ tức năm 2017
Hà Vĩ Bàn	Anh trai	26.166	0,06%	31.399	0,055%	Nhận cổ tức năm 2017
2. Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó CT HĐQT	11.246	0,023%	13.495	0,023%	Nhận cổ tức năm 2017
Âu Chí Toàn	Chồng	4.912	0,010%	5.894	0,010%	Nhận cổ tức năm 2017
3. Nguyễn Thị Hoa Lệ	TV HĐQT	484.855	1,011%	581.826	1,011%	Nhận cổ tức năm 2017
CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ là CT HĐQT kiêm TGD	1.564.714	3,261%	1.877.656	3,261%	Nhận cổ tức năm 2017
4. Puan Kwong Siing	TV HĐQT	8.732.392	18,200%	9.518.870	16,533%	Bán cổ phiếu và nhận cổ tức năm 2017
Puan Chiong	Anh trai	2.329.603	4,855%	2.795.523	4,855%	Nhận cổ tức năm 2017
Puan Kiong Sii	Anh trai	1.198.033	2,497%	1.200.039	2,084%	Bán cổ phiếu và nhận cổ tức năm 2017 chờ về
Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Tổ chức có liên quan	548.600	1,143%	1.498.320	2,602%	Mua cổ phiếu và nhận cổ tức năm 2017

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
5. Tăng Siêu Tâm	TV HĐQT	0	0,000%	0	0,000%	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ tính từ ngày trở thành TV HĐQT 27/04/2018
Quách Hồng	Mẹ	3.287.690	6,852%	1.185.227	2,059%	Bán cổ phiếu và nhận cổ tức năm 2017
Tăng Quảng	Cha	1.709.998	3,564%	0	0,000%	Nhận cổ tức năm 2017 và bán cổ phiếu
6. Phan Hồng Phúc	TV HĐQT	40.200	0,084%	0	0,000%	Mua, nhận cổ tức năm 2017 và bán cổ phiếu
Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ và người có liên quan						
1. Phan Hồng Phúc	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Đã khai tại mục Thành viên HĐQT và người có liên quan				
Thành viên Ban Giám đốc và người có liên quan						
1. Puan Kwong Siing	TV HĐQT kiêm TGD	Đã khai tại mục Thành viên HĐQT và người có liên quan				
2. Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó TGD	25.077	0,052%	30.092	0,052%	Nhận cổ tức năm 2017
Nguyễn Văn Bót	Cha	270	0,001%	324	0,001%	Nhận cổ tức năm 2017
Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Mẹ	270	0,001%	324	0,001%	Nhận cổ tức năm 2017
Võ Quang Lộc	Chồng	270	0,001%	324	0,001%	Nhận cổ tức năm 2017
Nguyễn Thanh Phong	Em trai	270	0,001%	324	0,001%	Nhận cổ tức năm 2017

STT	Họ và tên (cá nhân, tổ chức)	Chức vụ/mối quan hệ với công ty	Giá trị HĐ	Mục đích hợp đồng	Thông qua HĐ/GD	Tình trạng HĐ/GD
1	Công ty KAI-BUOK SHIP-YARD (M) SDN. BHD.	Người liên quan của TGD và TV HĐQT Puan Kwong Siing	4,4 triệu USD	Đóng 02 tàu cao tốc tuyến Phan Thiết – Phú Quý	Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác
2	Công ty KAI-BUOK SHIP-YARD (M) SDN. BHD.	Người liên quan của TGD và TV HĐQT Puan Kwong Siing	2,65 triệu USD	Đóng phà cao tốc tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác
3	Công ty KAI-BUOK SHIP-YARD (M) SDN. BHD.	Người liên quan của TGD và TV HĐQT Puan Kwong Siing	0,583 triệu USD	Hoán cải tàu cao tốc Superdong VII	Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác
4	Công ty KAI-BUOK SHIP-YARD (M) SDN. BHD.	Người liên quan của TGD và TV HĐQT Puan Kwong Siing	0,583 triệu USD	Hoán cải tàu cao tốc Superdong VIII	Hội đồng quản trị	Dự kiến tháng 04/2019 hoàn thành
5	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	10.000.000 VNĐ/tháng	Thuê văn phòng Hà Tiên	Hội đồng quản trị	Thời hạn đến năm 2020

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang là doanh nghiệp có vốn nước ngoài hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003, chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 17 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
- Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết ngày 08 tháng 7 năm 2014 trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 185/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SKG.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại : (84-297) 3.980.111
- Fax : (84-297) 3.846.180

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Sóc Trăng	Thửa đất số 102, 103, 104 tờ bản đồ số 47, Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quý	Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Côn Đảo	Đường Trần Phú, Khu 6, Thị trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Puan Chiong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Quách Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà La Xuân Đào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Văn Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm toán nội bộ

Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị của Công ty trong năm chỉ có ông Phan Hồng Phúc – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm Trưởng ban, được bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018. Hai thành viên còn lại trong Ban kiểm toán nội bộ đang được Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Ông Chua Peng Teck	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Bà Lưu Hải Anh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2018
Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018

Ông Puan Kwong Siing đã ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Kim Hồng. – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Số: 1.0670/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Tri - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Hoàng Yên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		311,244,848,260	341,225,710,183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11,069,237,548	12,872,290,075
1. Tiền	111		10,069,237,548	11,872,290,075
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	1,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161,300,000,000	210,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	161,300,000,000	210,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111,715,296,932	94,989,855,451
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	676,676,000	2,190,263,700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	105,859,707,746	91,358,160,920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5,178,913,186	1,441,430,831
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22,965,164,006	19,215,063,551
1. Hàng tồn kho	141	V.6	22,965,164,006	19,215,063,551
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,195,149,774	3,948,501,106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	4,195,149,774	3,948,310,454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	190,652
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANGĐịa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		571,407,840,544	484,469,384,670
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8,697,500,000	10,502,500,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8,697,500,000	10,502,500,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		499,048,657,185	444,311,464,991
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	490,337,624,493	435,976,759,327
- Nguyên giá	222		664,281,525,026	567,778,666,275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173,943,900,533)	(131,801,906,948)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8,711,032,692	8,334,705,664
- Nguyên giá	228		9,609,452,581	8,807,253,481
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(898,419,889)	(472,547,817)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55,667,839,251	23,054,860,859
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	55,667,839,251	23,054,860,859
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7,993,844,108	6,600,558,820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7,993,844,108	6,600,558,820
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		882,652,688,804	825,695,094,853

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANGĐịa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		19,719,978,972	20,968,898,389
I. Nợ ngắn hạn	310		19,719,978,972	20,968,898,389
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4,518,615,125	4,423,308,974
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2,585,800,375	3,986,132,500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1,784,086,630	4,492,066,580
4. Phải trả người lao động	314	V.14	8,917,950,251	6,565,120,875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	957,524,020	546,266,888
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		956,002,572	956,002,572
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG


Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		862,932,709,832	804,726,196,464
I. Vốn chủ sở hữu	410		862,932,709,832	804,726,196,464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	575,749,560,000	479,794,370,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,749,560,000	479,794,370,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	11,469,923,636	11,469,923,636
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	9,325,309,715	9,325,309,715
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.16	3,108,436,572	3,108,436,572
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	263,279,479,909	301,028,156,541
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		133,103,811,041	301,028,156,541
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		130,175,668,868	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		882,652,688,804	825,695,094,853


Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập


Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	442,467,788,040	401,528,755,081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		442,467,788,040	401,528,755,081
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	259,876,165,593	169,492,320,030
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182,591,622,447	232,036,435,051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16,497,962,326	20,032,924,229
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	173,379,396	124,963,309
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	44,838,778,166	37,059,041,655
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16,587,807,899	10,624,298,952
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		137,489,619,312	204,261,055,364
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,032,706,793	743,516,697
12. Chi phí khác	32		77,655,981	21,121,966,732
13. Lợi nhuận khác	40		955,050,812	(20,378,450,035)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		138,444,670,124	183,882,605,329
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	8,269,001,256	11,010,442,451
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		130,175,668,868	172,872,162,878
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2,261	3,003
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2,261	3,003


Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập


Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		138,444,670,124	183,882,605,329
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	42,567,865,657	32,669,916,229
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	89,411	(2,089,313)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(16,397,147,054)	(19,976,381,931)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		164,615,478,138	196,574,050,314
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4,591,823,925	(5,803,092,538)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,750,100,455)	(8,847,432,384)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		514,904,316	9,713,136,531
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,640,124,608)	(7,843,878,707)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(10,035,555,989)	(48,425,178,573)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		154,296,425,327	135,367,604,643
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.9 V.10, VII	(145,513,381,271)	(234,755,810,757)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(88,500,000,000)	(192,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	137,400,000,000	309,900,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	12,480,417,328	19,976,381,931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84,132,963,943)	(96,879,428,826)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, V.16	(71,966,424,500)	(34,269,961,550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71,966,424,500)	(34,269,961,550)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1,802,963,116)	4,218,214,267
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12,872,290,075	8,653,680,105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(89,411)	395,703
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11,069,237,548	12,872,290,075

Kiên Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2019


Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập


Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã đầu tư mua thêm tàu Superdong Phú Quý I với giá trị hơn 45 tỷ VND, phà Superdong PII với giá trị hơn 49 tỷ VND và đã ứng tiền để mua thêm tàu Phú Quý II, phà cao tốc Rạch Giá hơn 53 tỷ VND. Với việc mua sắm thêm các tàu mới sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu vận chuyển tại các tuyến trong thời gian tới.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Sóc Trăng	Thửa đất số 102, 103, 104 tờ bản đồ số 47, Ấp Đầu Giông, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quý	Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Côn Đảo	Đường Trần Phú, Khu 6, Thị trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 377 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 295 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho chỉ bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí dự án bên tàu Trần Đề - Sóc Trăng, chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm và công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí dự án bên tàu Trần Đề - Sóc Trăng

Các chi phí liên quan đến dự án bên tàu Trần Đề - Sóc Trăng sẽ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng khi dự án đi vào hoạt động với thời gian phân bổ không quá 50 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Tài sản cố định hữu hình khác	05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là các chi phí thiết kế kỹ thuật được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.652.911.000	1.149.424.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.415.871.980	10.722.865.875
Tiền đang chuyển	454.568	-
Các khoản tương đương tiền ^(*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	11.069.237.548	12.872.290.075

^(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	161.300.000.000	161.300.000.000	210.200.000.000	210.200.000.000
Cộng	161.300.000.000	161.300.000.000	210.200.000.000	210.200.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu tiền bán vé của các khách hàng trong nước.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	67.754.099.811	44.759.259.000
Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd	67.754.099.811	44.759.259.000
Trả trước cho các người bán khác	38.105.607.935	46.598.901.920
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn	-	17.034.754.000
Phòng Tài chính - Kế hoạch Thị xã Hà Tiên	21.350.000.000	21.350.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Không gian xanh	14.698.400.000	5.040.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp khác	2.057.207.935	3.174.147.920
Cộng	105.859.707.746	91.358.160.920

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	3.916.729.726	-	-	-
Tam ứng	683.293.897	-	603.038.897	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	578.889.563	-	838.391.934	-
Cộng	5.178.913.186	-	1.441.430.831	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	1.490.000.000	-	1.565.000.000	-
Ứng trước vốn xây dựng cầu cảng của Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên	7.207.500.000	-	8.937.500.000	-
Cộng	8.697.500.000	-	10.502.500.000	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phụ tùng	20.116.332.752	-	17.588.440.295	-
Dầu DO	1.570.883.656	-	1.325.261.558	-
Nhiên liệu	402.780.299	-	74.190.727	-
Vật liệu	875.167.299	-	227.170.971	-
Cộng	22.965.164.006	-	19.215.063.551	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.132.736.756	1.004.501.107
Chi phí khuyến mãi	-	1.109.999.999
Chi phí bảo dưỡng	1.159.497.351	440.131.629
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.902.915.667	1.393.677.719
Cộng	4.195.149.774	3.948.310.454

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.692.048.873	241.977.423
Chi phí sửa chữa	516.682.636	660.681.821
Chi phí dự án bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng	4.452.243.558	4.949.715.998
Các chi phí trả trước dài hạn khác	332.869.041	748.183.578
Cộng	7.993.844.108	6.600.558.820

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.141.837.100	292.500.000	562.585.279.883	575.391.345	183.657.947	567.778.666.275
Mua trong năm	-	421.604.771	95.400.008.889	321.836.000	66.909.091	96.210.358.751
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	292.500.000	-	-	292.500.000
Số cuối năm	4.141.837.100	714.104.771	658.277.788.772	897.227.345	250.567.038	664.281.525.026
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	10.660.462.116	53.560.000	116.748.857	10.830.770.973
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	631.901.961	29.250.000	130.705.612.765	313.932.757	121.209.465	131.801.906.948
Khấu hao trong năm	208.949.928	113.726.433	41.568.835.065	228.179.119	22.303.040	42.141.993.585
Số cuối năm	840.851.889	142.976.433	172.274.447.830	542.111.876	143.512.505	173.943.900.533
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.509.935.139	263.250.000	431.879.667.118	261.458.588	62.448.482	435.976.759.327
Số cuối năm	3.300.985.211	571.128.338	486.003.340.942	355.115.469	107.054.533	490.337.624.493
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.126.349.000	816.995.390	863.909.091	8.807.253.481
Mua trong năm	-	582.199.100	-	582.199.100
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	220.000.000	-	220.000.000
Số cuối năm	7.126.349.000	1.619.194.490	863.909.091	9.609.452.581
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	144.635.390	90.909.091	235.544.481
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	368.755.394	103.792.423	472.547.817
Khấu hao trong năm	-	374.338.744	51.533.328	425.872.072
Số cuối năm	-	743.094.138	155.325.751	898.419.889
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.126.349.000	448.239.996	760.116.668	8.334.705.664
Số cuối năm	7.126.349.000	876.100.352	708.583.340	8.711.032.692
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển thanh lý	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	413.500.000	1.023.000.000	(512.500.000)	(425.000.000)	499.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	22.641.360.859	7.325.879.432	-	(1.455.095.000)	28.512.145.291
<i>Công trình bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng</i>	<i>22.641.360.859</i>	<i>5.870.784.432</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>28.512.145.291</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>-</i>	<i>1.455.095.000</i>	<i>-</i>	<i>(1.455.095.000)</i>	<i>-</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	26.656.693.960	-	-	26.656.693.960
Cộng	23.054.860.859	35.005.573.392	(512.500.000)	(1.880.095.000)	55.667.839.251

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN Xăng dầu Phi Hải	1.892.400.000	943.650.000
Công ty Cổ phần Bê tông IBS	-	1.882.096.551
Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh	453.952.000	533.118.000
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	507.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.664.763.125	1.064.444.423
Cộng	4.518.615.125	4.423.308.974

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khách hàng trong nước trả trước tiền vé.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.398.542.273	-	21.279.721.916	(21.276.592.237)	1.401.671.952	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.685.973.016	(1.685.973.016)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	190.652	5.186.317.261	(5.186.126.609)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.970.103.918	-	8.269.001.256	(10.035.555.989)	203.549.185	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.440.311	-	4.418.241.366	(4.284.816.184)	178.865.493	-
Thuế tài nguyên	-	-	2.250.000	(2.250.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	223.488.074	(223.488.074)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.077.980.078	-	493.268.865	(1.571.248.943)	-	-
Cộng	4.492.066.580	190.652	41.558.261.754	(44.266.051.052)	1.784.086.630	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 thay đổi lần thứ 12 cấp ngày 31 tháng 10 năm 2014, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

suốt thời gian thực hiện dự án; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là năm tài chính thứ 11 kể từ năm Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Công ty còn được giảm thuế đến năm 2020 đối với thu nhập chịu thuế của các tàu Superdong I, tàu Superdong II, Superdong III, Superdong IV, tàu Superdong V và tàu Superdong VI. Công ty không được hưởng mức thuế suất ưu đãi cho các tàu còn lại, được hưởng ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế. Công ty còn được giảm thuế đến năm 2026 đối với thu nhập chịu thuế của tàu Superdong VII và tàu Superdong VIII, các tàu còn lại đang được miễn thuế.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.444.670.124	183.882.605.329
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.603.497.689	24.241.838.970
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	144.048.167.813	208.124.444.299
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20,00%	20,00%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	28.809.633.563	41.624.888.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(7.921.636.378)	(6.419.921.669)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(12.809.054.331)	(24.194.524.740)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.078.942.854	8.078.942.854
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	190.058.402	190.058.402
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.269.001.256	11.010.442.451

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và lương thưởng còn phải trả cho người lao động.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	520.359	-
Thù lao Hội đồng quản trị	84.450.000	99.825.000
Cổ tức phải trả	6.536.250	3.805.250
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	866.017.411	442.636.638

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm	Số đầu năm
	957.524.020	546.266.888

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	342.712.420.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	299.509.185.663	666.125.275.586
Tăng vốn từ lợi nhuận	137.081.950.000	-	-	-	(137.081.950.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	172.872.162.878	172.872.162.878
Chia cổ tức	-	-	-	-	(34.271.242.000)	(34.271.242.000)
Số dư cuối năm trước	479.794.370.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	301.028.156.541	804.726.196.464
Số dư đầu năm nay	479.794.370.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	301.028.156.541	804.726.196.464
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	95.955.190.000	-	-	-	(95.955.190.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	130.175.668.868	130.175.668.868
Chia cổ tức	-	-	-	-	(71.969.155.500)	(71.969.155.500)
Số dư cuối năm nay	575.749.560.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	263.279.479.909	862.932.709.832

16b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.574.956	47.979.437
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.574.956	47.979.437
- Cổ phiếu phổ thông	57.574.956	47.979.437
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.574.956	47.979.437
- Cổ phiếu phổ thông	57.574.956	47.979.437
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 với số tiền chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt là 71.969.155.500 VND; Số tiền chia cổ tức bằng cổ phiếu là 95.955.190.000 VND (9.595.519 cổ phiếu) theo Nghị quyết 07/2018/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 7 năm 2018.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 458,38 USD (số đầu năm là 345,49 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	10.617.483.949	9.631.750.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	431.850.304.091	391.897.005.081
Cộng	442.467.788.040	401.528.755.081

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.011.737.703	9.366.441.750
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	249.864.427.890	160.125.878.280
Cộng	259.876.165.593	169.492.320.030

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.397.147.054	19.976.381.931
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	80.148.200	33.854.652
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.667.072	20.569.003
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.118.643
Cộng	16.497.962.326	20.032.924.229

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	173.289.985	124.933.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	89.411	29.330
Cộng	173.379.396	124.963.309

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	12.415.386.367	7.154.303.784
Chi phí vật liệu, công cụ	113.971.782	3.660.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	254.601.444	214.055.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.240.055.266	3.834.076.556
Chi phí khác	25.814.763.307	25.852.945.649
Cộng	44.838.778.166	37.059.041.655

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.215.693.957	3.708.977.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.254.399	367.639.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.661.222.927	4.671.366.643
Chi phí khác	3.077.636.616	1.876.315.406
Cộng	16.587.807.899	10.624.298.952

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc hủy vé	621.726.349	578.805.572
Thu nhập khác	410.980.444	164.711.125
Cộng	1.032.706.793	743.516.697

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	130.175.668.868	172.872.162.878
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	130.175.668.868	172.872.162.878
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm ^(*)	57.574.956	57.574.956
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.261	3.003

^(*) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	47.979.437	47.979.437
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế	9.595.519	9.595.519
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	57.574.956	57.574.956

8b. Thông tin khác

Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua kế hoạch trả cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 95.955.190.000 VND tương đương 9.595.519 cổ phiếu. Vì vậy lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.603 VND xuống còn 3.003 VND.

8c. Giải trình

Lợi nhuận sau thuế của năm 2018 giảm so với năm 2017 chi tiết như sau:

- Doanh thu thuần năm 2018 tăng 10,2% so với năm 2017 tương đương tăng ~40,9 tỷ đồng. Trong khi đó giá vốn năm 2018 tăng 53,3% so với năm 2017 tương đương ~90,3 tỷ đồng.
- Chi phí dầu Do tăng mạnh do một số nguyên nhân sau:
 - + Giá dầu bình quân tăng từ 11.788đ/lít lên 14.644 đ/ lít
 - + Thời tiết xấu dẫn đến nhiên liệu bị tiêu hao nhiều hơn.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý tăng do cạnh tranh về nguồn nhân lực, tăng cường xúc tiến thương mại.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.926.795.826	70.573.132.462
Chi phí nhân công	60.720.482.861	37.948.635.977

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.567.865.657	32.669.916.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.308.850.547	26.023.104.776
Chi phí khác	30.767.019.064	40.594.429.443
Cộng	<u>311.291.013.955</u>	<u>207.809.218.887</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã ứng trước tiền mua, xây dựng tài sản cố định với số tiền là 105.870.103.228 VND (số đầu năm là 90.274.758.200 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 3.705.881.077 VND (năm trước là 2.755.302.308 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tien Grow Industrial Sdn.Bhd.	Công ty có cùng chủ đầu tư
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd.	Công ty có cùng chủ đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Kaibuok Shipyard Sdn.Bhd như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tàu và phụ tùng thay thế	79.922.682.601	101.107.245.584
Trả trước tiền mua tàu và linh kiện	47.079.203.228	44.759.259.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.4.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và trong khu vực địa lý là tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	4.518.615.125	-	-	4.518.615.125
Các khoản phải trả khác	957.003.661	-	-	957.003.661
Cộng	5.475.618.786	-	-	5.475.618.786
Số đầu năm				
Phải trả người bán	4.423.308.974	-	-	4.423.308.974
Các khoản phải trả khác	546.266.888	-	-	546.266.888
Cộng	4.969.575.862	-	-	4.969.575.862

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Công ty có các khoản tiền và tương đương tiền có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.000.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do số dư tiền gửi có kỳ hạn thấp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.069.237.548	-	12.872.290.075	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	161.300.000.000	-	210.200.000.000	-
Phải thu khách hàng	676.676.000	-	2.190.263.700	-
Các khoản phải thu khác	5.985.619.289	-	2.403.391.934	-
Cộng	179.031.532.837	-	227.665.945.709	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	4.518.615.125	4.423.308.974
Các khoản phải trả khác	957.003.661	546.266.888
Cộng	5.475.618.786	4.969.575.862

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập


Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Kiên Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



HÀ NGUYỆT NHI

